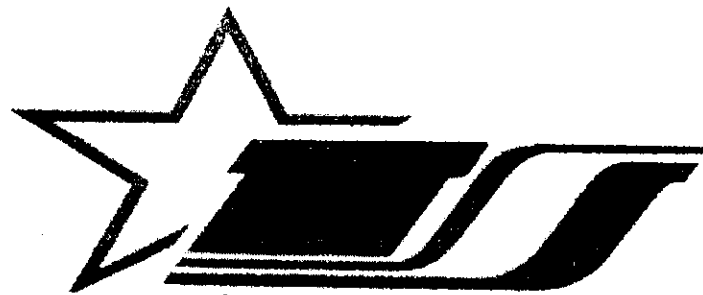


**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 145**



CÔNG TY 145

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 145**

Gia Lai, tháng 11 năm 2016

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA..... 5

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP 5

1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH Một thành viên 145 5

2. Ngành nghề kinh doanh..... 5

3. Quá trình hình thành và phát triển..... 6

4. Mô hình tổ chức hoạt động..... 7

5. Tổ chức Đảng, đoàn thể 13

6. Danh sách công ty mẹ và công ty con 13

7. Tình hình sử dụng lao động..... 14

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD 3 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA 14

1. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động SXKD 3 năm trước cổ phần hóa.. 14

2. Nguyên vật liệu cho sản xuất 16

3. Hệ thống quản lý chất lượng 17

4. Trình độ công nghệ trong sản xuất..... 17

5. Hoạt động Marketing..... 19

6. Logo, nhãn hiệu thương mại đã đăng ký..... 19

7. Các hợp đồng lớn đang thực hiện..... 20

8. Tình hình tài chính của doanh nghiệp trước cổ phần hóa 21

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 24

10. Thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm qua 26

III. THỰC TRẠNG TÀI SẢN TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DN..... 27

1. Tài sản cố định của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015..... 27

2. Tình hình sử dụng đất đai..... 28

3. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp..... 28

4. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý..... 29

PHẦN II. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA 31

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ CỔ PHẦN HÓA 31

1. Cơ sở pháp lý để cổ phần hóa..... 31

2. Mục tiêu cổ phần hóa 31



3. Yêu cầu cổ phần hóa	32
4. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa	32
II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.....	32
1. Hình thức cổ phần hóa.....	32
1. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa	32
2. Ngành nghề kinh doanh chính.....	32
III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY CP ...	33
1. Cơ cấu tổ chức.....	33
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty.....	36
IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CHÀO BÁN CỔ PHẦN	36
1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	36
2. Cổ phần.....	36
3. Đối tượng mua cổ phần	37
4. Xử lý số lượng cổ phần không bán hết.....	38
5. Đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán	38
6. Chi phí cổ phần hóa.....	39
7. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần	39
V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN	40
VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG	40
1. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty Cổ phần.....	41
2. Phân loại lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.....	41
3. Báo cáo thực hiện chính sách với người lao động.....	42
4. Chính sách giải quyết lao động dôi dư.....	43
5. Chính sách đối với công nhân viên quốc phòng (CNVQP)	43
6. Chính sách đối với Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp.....	43
VII. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 3 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA	43
1. Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội và các dự án tiếp theo sau cổ phần hóa	43
2. Mục tiêu, chiến lược phát triển Công ty.....	44
3. Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm sau cổ phần hóa.....	45
4. Giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh	46

VIII. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN.....	48
PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ	50
I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	50
1. Tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa	50
2. Hoàn tất việc chuyển Công ty thành công ty cổ phần.....	50
3. Lộ trình cụ thể	50



**PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP
TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA**

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH Một thành viên 145

- Tên đầy đủ tiếng Việt : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 145
- Tên Tiếng Anh : 145 ONE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY
- Tên viết tắt : Công ty 145
- Địa chỉ trụ sở chính : Km 75, Quốc lộ 19 - Phường Ngô Mây - Thị xã An Khê - Gia Lai
- Điện thoại : 0593 833 005
- Fax : 0593 833 285
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Số 5900951536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 17/01/2013, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 09/11/2015
- Vốn điều lệ theo Giấy CNĐKDN : 40.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp của chủ sở hữu : 30.323.536.503 đồng (Theo BCTC Quý 2/2016)
- Chủ sở hữu : Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn
- Người đại diện theo Pháp luật : Chủ tịch kiêm Giám đốc

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900951536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 17/01/2013, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 09/11/2015, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210 (chính)
2	Xây dựng nhà các loại	4100
3	Chuẩn bị mặt bằng	4312
4	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
5	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
6	Xây dựng công trình công ích	4220
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
8	Phá dỡ	4311
9	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, và điều hòa không khí	4322
10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
11	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
12	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
13	Các ngành nghề kinh doanh khác	

3. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty TNHH MTV 145 - Binh đoàn 12 (Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn) tiền thân là Căn cứ 4 - Cục Hậu cần - Binh đoàn 12 được thành lập theo quyết định số 250/QĐ - BĐ ngày 10 tháng 11 năm 1981 của Tư lệnh Binh đoàn 12. Năm 1993 được đổi tên thành Xí nghiệp 145 thuộc Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn; năm 1997 được đổi tên thành Công ty 145 thuộc Tổng công ty xây dựng Trường Sơn; năm 2003 được chuyển thành Xí nghiệp 145 hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn; năm 2004 được sáp nhập vào trực thuộc Công ty xây dựng 532 thuộc Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn; năm 2008, được chuyển thành Xí nghiệp 145 từ trực thuộc Công ty 532 về trực thuộc Binh đoàn 12; năm 2011, được đổi tên thành Công ty 145 và đến năm 2013, được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV 145 - Binh đoàn 12 (Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn).

Chức năng và nhiệm vụ chủ yếu của đơn vị là xây dựng kinh tế kết hợp với Quốc phòng trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên. Với các ngành nghề: Xây dựng giao thông, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, công nghiệp; khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Nhiệm vụ chủ yếu của đơn vị là xây dựng kinh tế, củng cố tăng cường tiềm lực quốc phòng trên địa bàn trong thời bình; sẵn sàng làm nhiệm vụ cơ động chiến đấu và phục vụ chiến đấu khi có lệnh của Tư lệnh Binh đoàn 12 và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.



TRỤ SỞ CÔNG TY TNHH MTV 145

Các danh hiệu đã được khen thưởng:

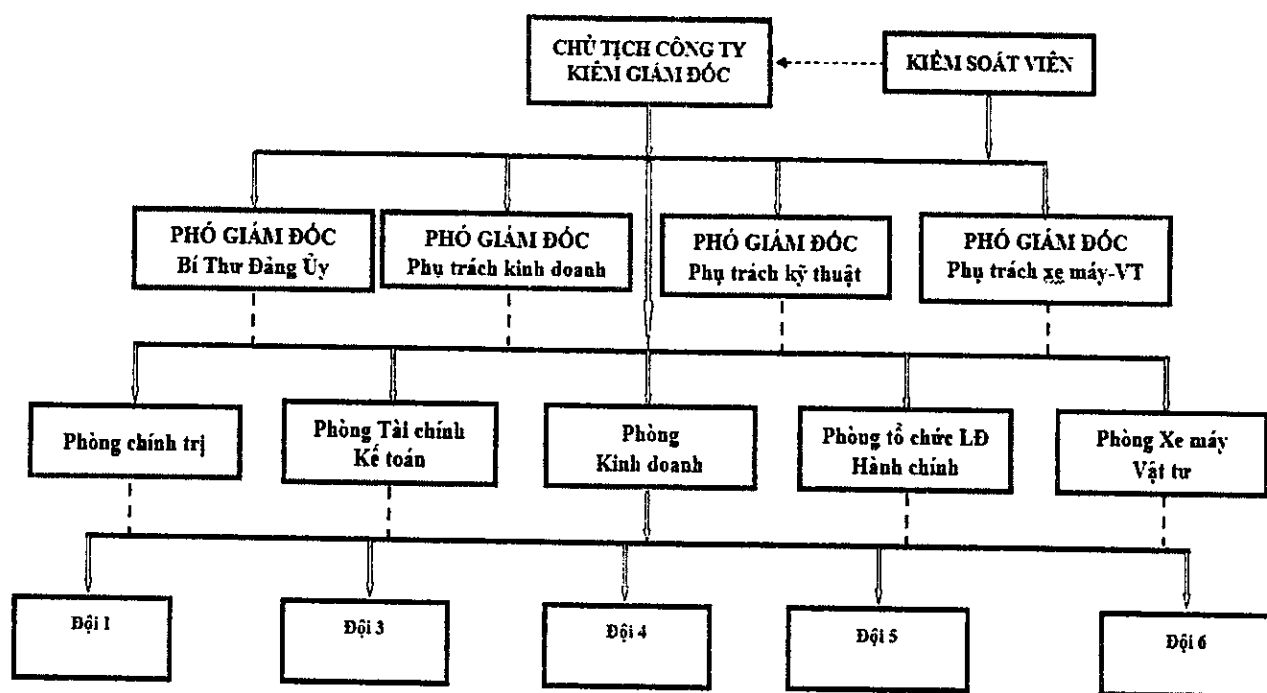
- 2 Huân chương Lao động hạng Ba (2007, 2011)
- 2 năm (2008, 2011): Công ty được Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen đơn vị về thành tích xuất sắc trong công tác.
- Năm 2010: tập thể Công ty đạt Danh hiệu “Cờ thi đua của Binh đoàn 12”.
- 6 năm (2006, 2007, 2008, 2009, 2012, 2015): tập thể Công ty đạt Danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”.
- 2 năm liền (2013, 2014) tập thể Công ty đạt Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”.
- 3 năm (2007, 2008, 2011) tập thể Công ty được Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế tặng Bằng khen về thực hiện tốt chính sách Thuế và nộp thuế với Nhà nước.
- 4 năm (2007, 2008, 2010, 2011): Công ty được Tư lệnh Binh đoàn 12 và Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai tặng Bằng khen về công tác dân vận.
- Năm 2013: tập thể Công ty được Binh đoàn 12 tặng Bằng khen về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 152-NQ/ĐUQSTW của Đảng ủy Quân sự Trung ương.
- 2 năm (2011, 2012): Công ty được Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai tặng Bằng khen về thành tích trong thi công Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Đức Cơ tỉnh Gia Lai.

4. Mô hình tổ chức hoạt động:

4.1. Sơ đồ tổ chức:



Cơ cấu tổ chức của Công ty được thể hiện bằng sơ đồ dưới đây:



4.2. Chức năng nhiệm vụ các phòng ban

✦ Phòng Kinh doanh

- Tham mưu cho Giám đốc trong công tác tiếp thị tìm việc làm, cơ chế khuyến khích tìm việc làm cho cá nhân, xí nghiệp, đội sản xuất...Trực tiếp xây dựng và hoàn thiện Hồ sơ đấu thầu, nhận thầu các công trình theo đúng các chế độ qui định, tham mưu xây dựng giá chào thầu theo đặc thù thị trường và năng lực SXKD của Công ty.
- Lập kế hoạch SXKD quý, năm, báo cáo tình hình thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; báo cáo và bảo vệ kế hoạch với Tổng Công ty .
- Tham mưu cho Giám đốc về thương thảo, soạn thảo, thanh lý, quản lý các loại Hợp đồng với các Ban quản lý dự án, Xí nghiệp, Đội sản xuất, Tổ thi công, cá nhân nhận khoán, thầu phụ.
- Tham mưu cho Giám đốc trong việc lập kế hoạch đầu tư năng lực thiết bị hàng năm theo nhu cầu SXKD của Công ty.
- Là cơ quan thường trực Hội đồng khoán, chủ động phối hợp với các cơ quan khác trong việc kiểm soát, đánh giá, phân tích xác định các chi phí giao khoán, xây dựng đơn giá khoán, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật, thanh toán nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc với Công ty và với các thầu phụ của Công ty theo từng tháng, quý và từng năm.
- Nghiệm thu xác nhận giá trị sản xuất, giá trị doanh thu cho đơn vị trực thuộc.
- Quản lý điều hành theo phương thức điều độ, điều phối, huy động các nguồn lực trên các công trường để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kế hoạch theo quý, kế hoạch năm và tiến độ hợp đồng. Báo cáo kịp thời với chỉ huy Công ty để giải quyết.

- Tổ chức và điều hành hệ thống quản lý chất lượng công trình, nghiệm thu nội bộ, nghiệm thu với các cơ quan chức năng, kiểm tra, kiểm soát chất lượng công trình.
- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức đánh giá khối lượng, sản phẩm dở dang.
- Tổ chức kiểm tra, kiểm soát, cập nhật và lưu trữ hồ sơ hoàn công các công trình; tổ chức nghiệm thu kỹ thuật và nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.
- Lập biện pháp và tiến độ thi công chi tiết (như cầu về vật tư, tiền vốn, thiết bị, nhân lực...) cho từng hạng mục công trình, trình Giám đốc phê duyệt làm cơ sở triển khai thi công. Kiểm tra giám sát, đôn đốc thực hiện thi công theo đúng hồ sơ thiết kế, biện pháp thi công, chất lượng kỹ mỹ thuật, tiến độ đã được duyệt, quản lý thi công đạt hiệu quả cao, an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Phát hiện những sai sót hoặc bất hợp lý ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn công trình để kiến nghị các bên liên quan sửa chữa hoặc bổ sung kịp thời. Kiểm soát và nghiệm thu khối lượng, chất lượng công việc hoàn thành theo quý hoặc giai đoạn của các đơn vị trực thuộc, thầu phụ với Công ty, phục vụ công tác thanh toán nội bộ và thanh quyết toán với Chủ đầu tư.
- Theo dõi đôn đốc đơn vị trong công tác nghiệm thu kỹ thuật, làm các chứng chỉ thí nghiệm, làm hồ sơ hoàn công phục vụ cho công tác nghiệm thu thanh toán đối với các công trình đang thi công, các công trình đã thi công xong.
- Chịu trách nhiệm về chất lượng công trình cùng đơn vị thi công trước Giám đốc Công ty.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về nội dung các Hợp đồng kinh tế. Tham mưu cho Giám đốc về việc đình chỉ hoặc kỷ luật đơn vị không thực hiện tốt Hợp đồng.
- Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, các chế độ chính sách của Nhà nước theo ngành nghề của Công ty cho các đơn vị trực thuộc
- Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các quy trình, quy phạm, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo vệ môi trường công trình thi công
- Thực hiện báo cáo nghiệp vụ cấp trên và các nhiệm vụ khác khi được Giám đốc giao.

✦ Phòng Kế toán – tài chính

- Xây dựng kế hoạch tài chính của Công ty theo tháng, quý, năm hoặc theo kỳ phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Khai thác huy động các nguồn vốn, kinh phí phục vụ sản xuất kinh doanh và hoạt động của Công ty; Quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn.
- Tổ chức bộ máy kế toán và công tác hạch toán sản xuất kinh doanh trong Công ty, kiểm tra công tác kế toán và hạch toán của các đơn vị trong Công ty. Thực hiện công tác thanh quyết toán tài chính với các đơn vị nội bộ, Tổng công ty và Nhà nước theo quy định.
- Thu hồi công nợ đối với các chủ đầu tư và các đối tác trong và ngoài đơn vị.
- Tổ chức thực hiện Luật kế toán, Luật thống kê, các chế độ quy định về công tác tài chính đối với Doanh nghiệp.



- Thực hiện chế độ báo cáo tài chính với cấp trên và các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan.
- Chủ trì công tác kiểm kê tài sản (cố định, lưu động), kiểm kê vật tư hàng hoá, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm kê khối lượng, sản phẩm dở dang. Thời gian kiểm kê 6 tháng hoặc 12 tháng theo quy định cụ thể.
- Xác định kết quả sản xuất kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc theo quý, năm, công trình hoàn thành.
- Tổ chức cho các đơn vị bảo vệ kết quả sản xuất kinh doanh quý, năm với Công ty.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí của đơn vị.
- Kiểm tra và hướng dẫn kế toán Đội chấp hành chế độ hóa đơn chứng từ đầy đủ và đúng pháp luật.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về công tác quản lý tài chính trong Công ty.
- Thực hiện báo cáo nghiệp vụ cấp trên và các nhiệm vụ khác khi được Giám đốc giao.

➤ Phòng Chính trị

- Thực hiện chức năng nhiệm vụ công tác Đảng, công tác chính trị theo quy định, hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng uỷ Công ty, chỉ đạo trực tiếp của Bí thư Đảng uỷ (Chính uỷ), mệnh lệnh của Giám đốc Công ty (Trung đoàn trưởng) và hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan Chính trị Binh đoàn.
- Nghiên cứu, đề xuất để Bí thư Đảng uỷ (Chính uỷ) và Đảng uỷ Công ty quyết định nội dung, biện pháp hoạt động CTĐ, CTCT, xây dựng kế hoạch và hướng dẫn, kiểm tra cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch CTĐ, CTCT, hướng dẫn, kiểm tra cơ quan, đơn vị thực hiện, bao gồm các hoạt động :
 - + Công tác xây dựng Đảng
 - + Công tác cán bộ
 - + Công tác tuyên huấn
 - + Công tác bảo vệ an ninh, dân vận
 - + Công tác quần chúng (Công đoàn, thanh niên, phụ nữ)
 - + Công tác chính sách
- Nghiên cứu, đề xuất với Đảng uỷ, Chính uỷ Trung đoàn xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ số lượng, từng bước nâng cao chất lượng, cơ cấu hợp lý hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cả trước mắt và lâu dài.
- Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị tiến hành công tác bảo vệ an ninh, đảm bảo trong sạch về chính trị, xây dựng đơn vị an toàn gắn với xây dựng địa bàn an toàn.
- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tiến hành công tác dân vận, tham gia thực hiện các cuộc vận động chính trị cách mạng, góp phần xây dựng cơ sở chính trị, phát triển kinh tế xã hội ở địa bàn đóng quân vững mạnh, củng cố vững chắc mối quan hệ đoàn kết máu thịt giữa quân đội với nhân dân.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị chấp hành nghiêm các chính sách của Đảng, Nhà nước, thực hiện đúng chế độ đối với cán bộ, chiến sỹ, người lao động và chính sách hậu phương quân đội.
- Hướng dẫn, xây dựng các tổ chức quần chúng vững mạnh, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.
- Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra theo quy định.
- Thực hiện báo cáo nghiệp vụ cấp trên và các nhiệm vụ khác khi được Bí thư Đảng ủy và Giám đốc giao.

⚡ Phòng Xe máy – Vật tư

- Tham mưu giúp việc cho Giám đốc và lãnh đạo Công ty trong quản lý điều hành công tác xe máy, vật tư và mọi hoạt động có liên quan đến công tác kỹ thuật vật tư của Công ty, nhằm thực hiện SXKD đạt hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.
- Quản lý công tác thực lực trang bị (số lượng, chất lượng) xe máy toàn Công ty; theo dõi tăng giảm số lượng, tiến hành đăng ký, đăng kiểm, lập lý lịch cho từng xe máy đảm bảo đủ thủ tục pháp lý theo quy định cho xe máy hoạt động, hướng dẫn các đơn vị lập sổ nhật ký theo dõi hoạt động xe máy, kiểm tra hoạt động của xe máy tại các đơn vị.
- Thực hiện chủ trương của Lãnh đạo Công ty về công tác đầu tư tăng năng lực đổi mới trang thiết bị, lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà thầu. Lập kế hoạch thanh xử lý các thiết bị hư hỏng nặng, lạc hậu về kỹ thuật, không cần dùng, tổng hợp hồ sơ báo cáo Hội đồng đầu tư thanh xử lý tài sản Công ty xem xét quyết định và thực hiện xử lý tài sản theo quy định.
- Kiểm tra đôn đốc công tác bảo dưỡng kỹ thuật, công tác sửa chữa xe máy tại các đơn vị, tình hình chấp hành ghi chép nhật ký theo dõi hoạt động của xe máy của các đơn vị. Lập kế hoạch sửa chữa vừa và sửa chữa lớn trình Giám đốc phê duyệt.
- Hướng dẫn kỹ thuật vận hành, nội dung bảo dưỡng kỹ thuật, quy trình quy phạm sử dụng đối với thiết bị mới đầu tư, kết hợp với chuyên gia của nhà chế tạo để đào tạo, hướng dẫn cho lái thợ, theo dõi và yêu cầu đơn vị cung cấp, thực hiện đúng nội dung bảo hành cho thiết bị mới. Kết hợp với Phòng TC LĐ-HC về công tác huấn luyện đào tạo, thi nâng bậc thợ vận hành, thợ sửa chữa, công tác an toàn giao thông, an toàn lao động.
- Phối hợp với Phòng Kinh doanh, Phòng TCLĐ-HC để đề xuất việc sử dụng năng lực thiết bị, lái thợ, thực hiện điều phối, điều động xe máy giữa các đơn vị, các công trường kịp thời nhằm giảm thuê thiết bị bên ngoài, đảm bảo tiến độ thi công chung của toàn Công ty;
- Soạn thảo, quản lý và theo dõi việc thực hiện các hợp đồng cung ứng nguyên nhiên vật liệu; hợp đồng thuê và cho thuê thiết bị. Soát xét kiểm tra dự trữ nhu cầu vật tư, phụ tùng của các đơn vị, theo dõi quản lý tình hình sử dụng vật tư nguyên nhiên vật liệu, kiểm tra công tác xuất nhập vật tư, tổng hợp số liệu báo cáo lãnh đạo Công ty.
- Thực hiện thanh quyết toán các chi phí xe máy, chi phí vật tư theo quy định.

- Lưu trữ hồ sơ tài liệu chuyên môn và thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của Lãnh đạo Công ty và các cơ quan chuyên ngành cấp trên khi có yêu cầu.
- Quản lý chặt chẽ việc sử dụng vật tư, xe máy tại đơn vị và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về hiệu quả sử dụng vật tư, xe máy, khối lượng và chất lượng vật tư đưa vào công trình.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nội dung hợp đồng thuê xe máy, hợp đồng mua bán vật tư, nhiên liệu.
- Chỉ đạo, hướng dẫn quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, sử dụng xăng dầu quốc phòng thường xuyên và dự trữ SSCĐ
- Thực hiện báo cáo nghiệp vụ cấp trên và các nhiệm vụ khác khi được Giám đốc giao.

✦ **Phòng Tổ chức lao động - Hành chính**

- Phối hợp các Cơ quan chức năng tham mưu cho Giám đốc về công tác biên chế, tổ chức và xây dựng lực lượng.
- Tham mưu cho Lãnh đạo, chỉ huy Công ty về việc điều động nhân lực, phục vụ nhiệm vụ SXKD; xây dựng đơn vị; thành lập, giải thể các cơ quan, ban điều hành, đơn vị, tổ thi công theo phân cấp.
- Xây dựng kế hoạch và biên chế lực lượng hàng năm, từng thời kỳ theo phương án SXKD của Công ty; xác định số lao động tăng, giảm của các năm và từng thời kỳ.
- Xây dựng quy chế tuyển dụng lực lượng lao động và ký kết Hợp đồng lao động theo Quy định của Bộ luật lao động và quy định của Bộ Quốc phòng; Thực hiện ghi và quản lý sổ bảo hiểm xã hội cho các đối tượng thuộc ngành quản lý;
- Kết hợp với Phòng Chính trị quản lý và thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động.
- Là cơ quan thường trực Hội đồng tiền lương Công ty. Xây dựng chương trình và tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động. Thực hiện chế độ chính sách thi nâng bậc, nâng lương và biên quân hàm cho các đối tượng do ngành quản lý.
- Kết hợp với phòng Xe máy- Vật tư và các Cơ quan chức năng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng thi nâng bậc và công tác bảo đảm an toàn giao thông, an toàn vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định hiện hành.
- Tham gia, hướng dẫn và chỉ đạo công tác xây dựng đơn vị VMTD
- Thống kê, tổng hợp phân tích, đánh giá tình hình số lượng, chất lượng của lao động trong Công ty, đề xuất phương án sử dụng lao động.
- Tổ chức xây dựng và quản lý định mức lao động. Phối hợp với các cơ quan chức năng Công ty xây dựng và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng định mức lao động và đơn giá tiền lương để khoán cho tổ, nhóm, người lao động.
- Xây dựng Quy chế trả lương áp dụng nội bộ trong Công ty, xem xét đề nghị xếp hạng doanh nghiệp.
- Thực hiện chế độ bảo hộ lao động, bồi dưỡng nặng nhọc, độc hại, ăn ca, ăn thêm, quy định thời gian làm việc, nghỉ ngơi và xây dựng mạng lưới an toàn viên từ Công ty đến các đơn vị.

- Báo cáo kết quả về tổ chức lao động, tiền lương và quyết toán tiền lương với Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Công tác quản lý kỷ luật Quân đội và các quy định của đơn vị.
- Công tác quản lý, đăng ký các trang bị của doanh nghiệp, quản lý đăng ký vũ khí và trang bị Quốc phòng.
- Công tác đảm bảo hậu cần: Xây dựng kế hoạch đảm bảo quân trang, quân y, quản lý doanh trại và nhà đất của toàn Công ty theo quy định. Tổ chức bếp ăn tập thể tại cơ quan và phục vụ chỉ huy. Kiểm tra đôn đốc các đơn vị duy trì bếp ăn tập thể theo tiêu chuẩn định lượng. Xây dựng nhà ở tại công trường.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về những việc liên quan đến tuyển dụng lao động, an toàn trong lao động, tiền lương,...
- Thực hiện báo cáo nghiệp vụ cấp trên và các nhiệm vụ khác khi được Giám đốc giao.

✦ Các Đội xây dựng công trình

- Hiện nay, các đơn vị sản xuất kinh doanh của Công ty gồm có 05 Đội xây dựng, xây lắp công trình.
- Đội xây dựng có nhiệm vụ tổ chức điều hành thi công xây dựng công trình theo đúng thiết kế được Giám đốc phê duyệt, đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn về mọi mặt. Trong quá trình tổ chức điều hành thi công có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết đối với các bộ phận thi công nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, kế hoạch đã được phê duyệt. Tổ chức lực lượng, bố trí, sắp xếp các tổ, các hướng, mũi thi công công trình phù hợp với tiến độ của dự án. Chấp hành chế độ quản lý tài chính theo quy định của công ty.

5. Tổ chức Đảng, đoàn thể

Tổ chức Đảng và đoàn thể của công ty gồm:

- Tổ chức Đảng: Đảng ủy Công ty TNHH MTV 145 trực thuộc Đảng bộ Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn. Đảng ủy gồm 10 chi bộ trực thuộc và 77 đảng viên.
- Ngoài ra, Công ty còn có Công đoàn cơ sở gồm 6 tổ công đoàn, 120 Đoàn viên và Đoàn Thanh niên gồm 6 chi Đoàn và 72 Đoàn viên thanh niên.

6. Danh sách công ty mẹ và công ty con

6.1. Công ty mẹ

Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn - Bộ Quốc phòng

Địa chỉ: Số 475 đường Nguyễn Trãi – Phường Thanh Xuân Nam – Quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội – Việt Nam.

Điện thoại: 04 38542573 – 04 38542574 Fax: 04 38542758

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng cầu, đường.

Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Công ty: 100% vốn điều lệ

6.2. Công ty con

Không có



7. Tình hình sử dụng lao động

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (17/10/2016), tổng số cán bộ công nhân viên, người lao động có tên trong danh sách của Công ty là 145 người, cơ cấu cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Phân loại theo tính chất hợp đồng		
- Đối tượng không ký hợp đồng lao động (Sỹ quan; Quân nhân chuyên nghiệp; HSQ-BS)	101	69,65
- Công nhân viên quốc phòng	16	11,03
- Lao động hợp đồng không xác định thời hạn	28	19,31
- Lao động hợp đồng có xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng	0	0
- Hợp đồng lao động thời vụ dưới 3 tháng	0	0
II. Phân loại theo trình độ lao động		
- Trên đại học	0	0
- Đại học	41	28,27
- Cao đẳng	10	6,90
- Trung cấp	32	22,07
- Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	54	37,24
- HSQ-BS	8	5,51
III. Phân loại theo giới tính		
- Nam	138	95,17
- Nữ	7	4,83

Nguồn: Công ty TNHH MTV 145

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD 3 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa

1.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Bộ Quốc phòng, Công ty chủ yếu hoạt động trên các mảng kinh doanh chính là: Xây dựng các công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình dân dụng, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

❖ Hoạt động xây dựng

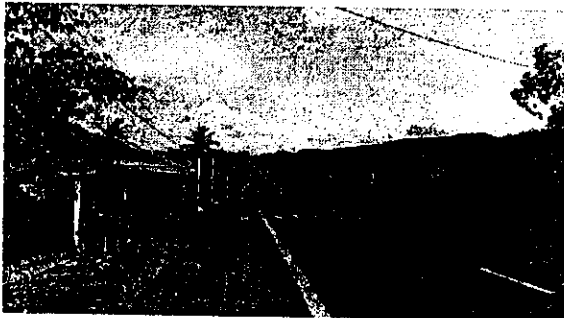
Đây là hoạt động mang lại doanh thu chủ yếu và chiếm tỷ trọng lớn cho Công ty trong những năm qua và Công ty định hướng và phát triển hoạt động xây dựng là



mảng hoạt động chủ yếu của Công ty trong những năm tới. Với bề dày hoạt động trong lĩnh vực này, Công ty đã thi công nhiều công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tiêu biểu như:

- Về các công trình giao thông: Thi công nâng cấp mở rộng Quốc lộ 78-Campuchia, Quốc lộ 14 đoạn qua Tp Pleiku tỉnh Gia Lai; Quốc lộ 25 (Từ Km 69 - Km76), Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Phú Yên; Đường Hồ Chí Minh đoạn qua các tỉnh Gia Lai, tỉnh Đăk Lăk, tỉnh Thừa Thiên Huế; Dự án đường Trường Sơn Đông, đường Tuần tra biên giới trên đất liền qua tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum, các tỉnh lộ 667, 668, 669 và 674 tỉnh Gia Lai;..
- Về thi công các công trình thủy lợi: Đập thủy lợi Eadreh, đập thủy lợi Cà Tung4, đập thủy lợi Tân Sơn, kênh thủy lợi Vân Phong, hệ thống thủy lợi Biển Hồ, Hồ chứa nước IaMlá thuộc tỉnh Gia Lai; đập thủy lợi Suối Đuốc tỉnh Bình Định; Hồ chứa nước Suối Vực – Phú Yên; thủy điện Krong Pa 2 tỉnh Gia Lai.
- Về thi công các công trình dân dụng, nhà ở: Trường THPT Nguyễn Chí Thanh Tp Pleiku - Gia Lai; Trụ sở làm việc các cơ quan Huyện ủy, HĐND, UBND, MTTQ, Ban chỉ huy quân sự, Công an, Kho bạc Nhà nước huyện ĐăkPơ - Gia Lai; Nhà máy ván sợi MDF, Ngân hàng đầu tư và phát triển, Kho bạc Nhà nước, Trung tâm Thương mại, Trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự, Bệnh viện khu vực thị xã An Khê - Gia Lai; nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ huyện Đức Cơ - Gia Lai; nhà tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ Trung đoàn Bộ binh 95, huyện MangYang - Gia Lai.

Một số hình ảnh về thi công công trình của Công ty



CÔNG TRÌNH MỞ RỘNG QUỐC LỘ 1



**TÔ CHỨC LỄ THÔNG XE
CÔNG TRÌNH MỞ RỘNG QUỐC LỘ 1**



TRƯỜNG THPT TRÀ BÀ



**HỒ CHỨA NƯỚC SUỐI VỰC, HUYỆN
SƠN HÒA TỈNH PHÚ YÊN**

❖ **Hoạt động kinh doanh khác**

Cùng với hoạt động xây dựng là hoạt động chính thì Công ty cũng có hoạt động kinh doanh khác, doanh thu của hoạt động này đến từ công tác sản xuất nguyên vật liệu xây dựng nhằm cung cấp trực tiếp sản phẩm cho các đơn vị thi công của Công ty và bán ngoài cho các khách hàng có nhu cầu như: cung cấp bê tông nhựa nóng cho Tổng Công ty Sông Đà tại Dự án Quốc lộ 1, cung cấp và thảm bê tông nhựa đường nội bộ khu nghỉ dưỡng cao cấp Nhơn Lý, Quy Nhơn cho Tập đoàn FLC...

Giá trị Sản lượng, Doanh thu sản phẩm 03 năm gần nhất và Quý 2/2016

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Quý 2/2016
Sản lượng	135.869	193.314	258.426	41.852
Doanh thu	123.517	175.740	234.933	47.938
Lợi nhuận gộp	11.905	13.854	7.316	4.607

Nguồn: Công ty TNHH MTV 145

Doanh thu hoạt động kinh doanh của Công ty đến chủ yếu từ mảng hoạt động xây dựng. Từ năm 2013 đến 2015 doanh thu của mảng hoạt động xây dựng luôn chiếm tỷ trọng lớn (trên 90%), hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng chiếm một tỷ trọng ít hơn trong cơ cấu tổng doanh thu của Công ty. Năm 2014 và 2015 doanh thu hoạt động xây dựng chiếm tỷ trọng lần lượt là trên 95% và 98%. Doanh thu hàng năm của Công ty có mức tăng trưởng khá đều, trên 30%. Năm 2015, doanh thu mảng vật liệu xây dựng có sự tăng trưởng tốt so với các năm trước, đạt gần 19 tỷ đồng, chiếm 8% doanh thu toàn Công ty.

2. Nguyên vật liệu cho sản xuất

Hoạt động xây dựng các công trình là hoạt động chính trong cơ cấu doanh thu của Công ty, do vậy nguyên vật liệu được sử dụng là những loại nguyên vật liệu đặc thù phục vụ cho hoạt động xây lắp (Sắt, thép, cát, đá, gạch, xi măng, nhựa đường, xăng dầu, thuốc nổ....). Một số thương hiệu, chủng loại vật liệu công ty thường sử dụng:

- Thép: Thép Hòa Phát, Việt Nhật...
- Xi măng: Bim Sơn, Nghi Sơn, Sông Gianh....
- Nhựa đường của các nhà cung cấp uy tín đảm bảo chất lượng tốt như Petrolimex Đà Nẵng, Công ty nhựa đường Sài Gòn
- Thuốc nổ và vật liệu nổ của Công ty hóa chất mỏ.

Do đặc thù các công trình xây dựng của Công ty là phân tán trên nhiều địa phương khu vực miền Trung Tây Nguyên, do vậy, bên cạnh các nhà cung cấp nguyên vật liệu

thường xuyên, tùy từng công trình, thời điểm cụ thể, Công ty sẽ tìm kiếm nhà cung cấp phù hợp nhất tại địa phương.

Công ty đã thiết lập quan hệ đối tác lâu năm với các nhà cung cấp có kinh nghiệm và năng lực cung cấp nguyên vật liệu nhằm đảm bảo nguồn cung cấp ổn định, kịp thời với giá cả cạnh tranh.

Danh mục các nhà cung cấp nguyên vật liệu thường xuyên của Công ty gồm:

TT	Tên nhà cung cấp	Loại nguyên vật liệu cung cấp
1	Mua tại Công ty CP Kim Khí Miền trung	Xi măng PCB40
2	Mua tại Công ty CP Kim Khí Miền trung	Thép các loại
3	Mua tại DNTN Thu Uyên	Đá các loại
4	Mỏ Trúc Lợi	Cát vàng
5	Mua tại Chi nhánh Nhựa đường Đà Nẵng	Nhựa đường Rời 60/70
6	Mua tại Công ty XD Bắc Tây Nguyên	Dầu diezl + NLP các loại
7	Mua công ty CP Quản lý & khai thác hầm đường bộ Hải Vân	Nhũ tương các loại
8	Mua Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hà Nam Ninh	Bột khoáng
9	Mua tại DNTư nhân Quốc tiến	Gạch các loại

3. Hệ thống quản lý chất lượng

Công ty luôn áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong các lĩnh vực quản lý, xây dựng các công trình dân dụng và giao thông nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của chủ đầu tư.

Các quy trình trong thi công công trình của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ theo các quy định, tiêu chuẩn trong lĩnh vực xây dựng công trình để kiểm soát tiến độ, chất lượng, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

4. Trình độ công nghệ trong sản xuất

Trong hoạt động xây dựng, các máy móc, thiết bị công nghệ thi công hiện đại luôn là yếu tố chủ yếu quyết định trong việc đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng công trình. Do vậy, Công ty luôn chú trọng sử dụng các máy móc hiện đại của các nước Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc

Mặc dù năng lực thiết bị hiện tại đang đáp ứng cho nhu cầu sản xuất, thi công, tuy nhiên trong thời gian tới, tùy theo nhu cầu thi công công trình, Công ty vẫn cần đầu tư thêm máy móc thiết bị mới để thay thế các thiết bị cũ nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả thi công.

Danh mục một số máy móc thiết bị chính của Công ty như sau:

TT	Tên máy móc, thiết bị	Năm sử dụng	Chỉ tiêu Kỹ thuật	Nơi sản xuất
I	Máy lu rung			
1	Lu AMAM	2000	80%	LB Đức
2	Lu KOMATSU	2005	80%	Nhật
3	Lu 1 Cầu LIUGONG	2008	100%	T.Quốc
4	Lu 2 Cầu LIUGONG	2008	100%	T.Quốc
5	Lu SAIKAI SV 512D	2006	100%	Nhật
6	Lu SAIKAI SV 520D	2014	100%	Nhật
7	Lu rung Hamm 3410	2015	100%	Đức
8	Lu rung Hamm 3410	2015	100%	Đức
II	Máy lu tĩnh, lu lớp, lu mũi			
1	Lu SAIKAIHAM	2003	80%	Nhật
2	Lu SAIKAI KD 120	2001	80%	Nhật
3	Lu WOANTANABE	1998	80%	Nhật
4	Lu SAIKAI KL 7610	2008	80%	Nhật
5	Lu 7 Bánh SAKAI (KANTO)	2014	80%	Nhật
6	Lu rung 2 bánh sắt Bomag	2015	85%	Đức
b.2	Máy xúc			
1	Máy đào KOMATSU PC 200-5	2001	80%	Nhật
2	Máy đào KOBELKO SK 100	2001	80%	Nhật
3	Máy đào KOMATSU PW 130	2003	80%	Nhật
4	Máy đào CAT 320B	2005	80%	Mỹ
5	Máy đào CAT 320C	2007	80%	Mỹ
6	Máy đào CAT 320C	2007	80%	Mỹ
7	Máy đào KOMATSU PC 200-6	2009	80%	Nhật
8	Máy đào KOMATSU PC 200-7	2008	100%	T.Lan
9	Máy đào CAT 320C	2008	80%	Nhật
10	Máy đào CAT 320B	2010	80%	Nhật
11	Máy đào PC 400 -6LK	2013	80%	Mỹ
12	Máy Xúc KAWASAKI KLD70	2004	80%	Nhật
13	Máy đào Hitachi ZX240-5G	2016	100%	Nhật
b.3	Máy ủi			
1	Máy ủi KOMATSU D60P	2001	80%	Nhật
2	Máy ủi KOMATSU D60P-6	2007	80%	Nhật
3	Máy ủi KOMATSU D 31	2014	80%	Nhật
b.4	Máy san			
1	Máy san KOMATSU GD 30	2001	80%	Nhật
2	Máy San KOMATSU GD 31	2005	80%	Nhật
3	Máy san MITSUBISHI MG 3	2010	80%	Nhật

b.5	Máy rải			
1	Máy rải VOGELE S1800-1	2014	80%	LB Đức
b.6	Máy phát điện, nén khí			
1	Máy điện Mitshubishi	2004	80%	Nhật
2	Máy ép hơi Komatsu	2009	80%	Nhật
3	Máy ép hơi Airman	2006	80%	Nhật
4	Máy ép hơi Komatsu	2011	80%	Nhật
b.7	Thiết bị sản xuất đá			
1	Máy xay đá 186-187	2005	80%	Nga
2	Giàn khoan BMK5	2004	80%	Nga
b.8	Thiết bị sản xuất AC, bê tông			
1	Trạm trộn BTXM	2010	100%	V.Nam
2	Trạm đúc cổng rung	2003	100%	V.Nam
b.9	Thiết bị đo đạc, TN			
1	Máy toàn đạc điện tử Leica	2015	100%	Thụy sỹ
2	Máy toàn đạc điện tử Topcon GTS102N	2016	100%	Tr.Quốc
b.10	Thiết bị khác			
1	Máy trộn bê tông 750L	2002	100%	Nga
2	Máy Photocopy Toshiba	2009		Nhật

Nguồn: Công ty TNHH MTV 145

5. Hoạt động Marketing

Để quảng bá thương hiệu, hình ảnh, năng lực sản xuất, Công ty đã và đang áp dụng các hình thức sau:

- Khẳng định uy tín, thương hiệu bằng chính sản phẩm xây dựng đó chính là: chất lượng, tiến độ và mỹ quan công trình đối với các Chủ đầu tư truyền thống hoặc các Chủ đầu tư tham gia lần đầu.
- In ấn, phát hành hồ sơ năng lực để giới thiệu với các đối tác, khách hàng về hình ảnh Công ty.
- Thông qua các ngày lễ kỷ niệm của Công ty để quảng bá hình ảnh của Công ty.
- Tổ chức các chương trình giao lưu với địa phương, cơ quan ban ngành. Tham gia hội trại, phong trào Đoàn thanh niên, các hoạt động văn hóa, thể thao nhằm đưa hình ảnh của Công ty đến với cộng đồng.

6. Logo, nhãn hiệu thương mại đã đăng ký



7. Các hợp đồng lớn đang thực hiện

TT	Tên công trình	Số, Ngày, tháng ký HĐ	Giá trị hợp đồng (hợp đồng điều chỉnh)	Khởi công - Hoàn thành	Tên Chủ đầu tư/Cơ quan ký hợp đồng
1	Đường TTBG Kontum (gói 5)	Số 413/HĐTC-XD; ngày 26/12/08 PLBSHĐ lần 6 ngày 08/11/2013	81,624,000	2008-2014	Ban quản lý dự án 47/BTTM
2	Gói thầu số 11 QL1, Phú Yên	Số 2484/2013/HĐKT, ngày 06/12/2013; Phụ lục BSHĐ số 3217/2015/PLHĐ, ngày 27/10/2015;	52,819,072	2014-2015	Ban QLDA Thăng Long
3	Gói thầu số 12 QL1, Phú Yên	Số 2485/2013/HĐKT, ngày 06/12/2013; Phụ lục BSHĐ số 2587/2015/PLHĐ, ngày 27/8/2015;	161,103,820	2014-2015	Ban QLDA Thăng Long
4	Gói thầu XL2 - La Sơn - Túy Loan	Số: 1322/2015/HĐNBB-LS-TL ngày 11/06/2015	63,160,676	2015-2016	Ban điều hành dự án BT La Sơn - Túy Loan
5	Gói thầu số 5: Dự án nâng cấp, mở rộng đường HCM, tỉnh Đắk Lắk	Số: 135/2013/HĐTC-Đ ngày 16/12/2013; BSHĐ số 04/BS ngày 19/01/2016;	42,780,952	2013-2015	Ban quản lý dự án đường Hồ Chí Minh
6	Gói 22- Hồ chứa nước Suối Vực	Số 07/2011/HĐXD-ĐĐ22; 12/12/11; PL số 09/2015/PLHĐXD-ĐĐ22, 20/8/2015.	72,131,536	2011-2015	BQL dự án thủy lợi và phòng chống thiên tai tỉnh Phú Yên
7	Gói Đ32 - Trường Sơn Đông	Số: 27/2010/HĐ-TCXD; 16/12/2010; PL số 07/PLHĐ ngày 30/8/2015.	75,222,822	2011-2014	Ban quản lý dự án 46/BTTM
8	Gói thầu Đ28 - Trường Sơn Đông	Số: 21/2008/HĐ-TCXD; 08/4/2008; PL số 08/PLHĐ ngày 26/5/2014;	47,068,018	2008-2010	Ban quản lý dự án 46/BTTM
9	Gói thầu Đ21 - Trường Sơn Đông	Số: 44/2008/HĐ-TCXD; 25/9/2008 PL số 09/PLHĐ ngày 10/9/2015	64,872,563	2008-2013	Ban quản lý dự án 46/BTTM
10	Dự án thủy điện Krong Pa 2	Số: 29/2016/HĐ-TCXD; 06/5/2016	63,713,783	2016-2017	Công ty CP Gia Lâm

Nguồn: Công ty TNHH MTV 145



8. Tình hình tài chính của doanh nghiệp trước cổ phần hóa

8.1. Tình hình công nợ phải thu, phải trả

Tình hình công nợ phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	6T/2016
Phải thu ngắn hạn	32.354,89	58.948,36	27.383,28	10.446,58
- Phải thu của khách hàng	28.302,16	53.707,57	26.518,33	8.904,65
- Trả trước cho người bán	3.480,46	4.254,84	-	953,70
- Các khoản phải thu khác	811,52	1.225,20	1.089,71	812,98
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(239,25)	(239,25)	(224,75)	(224,75)
Phải thu dài hạn	-	-	19.748,92	32.701,09
- Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	16.965,60	29.917,77
- Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	2.783,32	2.783,32

Nguồn: BCTC năm 2014, 2015, 6T/2016 và của Công ty

Tình hình công nợ phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	6T/2016
Nợ ngắn hạn	82.901,13	121.883,61	89.619,49	61.627,62
- Vay và nợ ngắn hạn	32.301,79	53.464,48	47.681,10	28.598,07
- Phải trả người bán ngắn hạn	27.513,12	30.688,29	12.134,05	7.105,42
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.842,14	23.951,09	6.424,11	16.765,00
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.148,39	3.391,40	3.294,08	-
- Phải trả người lao động	1.956,70	2.417,86	6.342,18	1.738,43
- Phải trả nội bộ	5.581,86	5.853,47	12.145,46	5.854,50

- Vay và nợ dài hạn	1.757	2.769	1.933	8.844
- Phải trả dài hạn người bán	-	-	-	4.494
- Người mua trả trước dài hạn	-	-	-	2.511
- Doanh thu chưa thực hiện	59.046	-	-	-

Nguồn: BCTC năm 2013, 2014, 2015, 6T/2016 và của Công ty

8.3. Một số chỉ tiêu tài chính 2013 - 2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tăng /giảm so với năm 2013 (%)	Năm 2015	Tăng /giảm so với năm 2014 (%)	6T/2016
1	Doanh thu	123.516	175.740	42,3%	237.222	35,0%	55.007
2	Vốn kinh doanh	112.047	160.932	43,6%	146.092	-9,2%	125.746
3	Vốn nhà nước	27.416	30.636	11,7%	30.863	0,7%	34.863
4	Lợi nhuận trước thuế	485	1.105	127,5%	1.143	3,5%	861
5	Lợi nhuận sau thuế	364	862	136,6%	892	3,5%	689
6	Thu nhập bình quân người/đồng/tháng	5,1	6,5	27,45%	7,6	16,9%	7,8
7	Các khoản thu nộp ngân sách	2.148	3.391	57,91%	3.294	(2,86%)	-
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn kinh doanh	0,00	0,00	64,7%	0,00	14,0%	0,55%
9	Nợ phải trả	84,631	130,297	54,76%	115.228	(11,54%)	90.882
10	Tỷ suất LNST/ Vốn NN (ROE)	1,33%	2,81%	111,7%	0,03	2,7%	1,98%
11	Tỷ số thanh toán nhanh	0,57	0,67	18,2%	0,52	-22,1%	0,32
12	Tỷ số thanh toán ngắn hạn	1,27	1,17	-8,0%	1,28	9,1%	0,99

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tăng /giảm so với năm 2013 (%)	Năm 2015	Tăng /giảm so với năm 2014 (%)	6T/2016
13	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,76	0,81	7,2%	0,79	-2,6%	0,72
14	Hệ số nợ phải trả/ Vốn CSH	3,09	4,25	37,8%	3,73	-12,2%	2,61
15	Vòng quay phải thu của khách hàng	4,36	3,27	-25,0%	8,86	170,7%	6,18

Nguồn: BCTC năm 2013, 2014, 2015 đã kiểm toán và 6T/2016 của Công ty

Nhận xét:

- **Tỷ số khả năng thanh toán nhanh và tỷ số thanh toán ngắn hạn:** 2 tỷ số thể hiện năng lực thanh toán các khoản nợ trong ngắn hạn của doanh nghiệp có xu hướng giảm trong năm 2015 và nửa đầu năm 2016.
- **Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty:** Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu khá lớn cho thấy nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp chủ yếu được tài trợ từ nguồn vốn đi vay, nhưng đang có xu hướng hạ xuống kể từ năm 2015.
- **Vòng quay các khoản phải thu khách hàng:** Vòng quay các khoản phải thu có xu hướng tăng lên từ năm 2015 thể hiện dấu hiệu tích cực trong quản lý dòng tiền của doanh nghiệp.
- **Tỷ suất sinh lời từ vốn chủ sở hữu (ROE):** khá thấp mặc dù doanh nghiệp sử dụng đòn bẩy tài chính khá lớn. Phản ánh việc kinh doanh chưa thực sự hiệu quả của doanh nghiệp trong những năm trước đây.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của công ty

Với truyền thống hơn 35 năm xây dựng và phát triển từ một đơn vị làm đường Trường Sơn trong kháng chiến chống Mỹ được Nhà nước chuyển đổi thành đơn vị làm kinh tế. Công ty TNHH Một thành viên 145 đã tích lũy nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực thi công xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng.

Hiện nay, Công ty là một trong những đơn vị dẫn đầu, có kinh nghiệm và có đủ năng lực thi công cũng như thương hiệu trong phát triển cơ sở hạ tầng của khu vực miền Trung Tây Nguyên, tham gia xây dựng nhiều công trình quan trọng cho Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn và các tỉnh Gia Lai, Kontum, Phú Yên, Bình Định

9.2. Triển vọng phát triển của ngành xây dựng hạ tầng

Trong những năm vừa qua, lĩnh vực xây dựng và phát triển hạ tầng đã phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế với giá nguyên vật liệu tăng cao, lãi suất tăng cao, thị trường bất động sản trầm lắng, các dự



án đầu tư công tạm dừng do thiếu hụt vốn... đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty trong ngành.

Gần đây, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngành Xây dựng và phát triển hạ tầng tiếp tục chuyển biến tích cực. Lãi suất ngân hàng điều chỉnh giảm đã giúp cho các doanh nghiệp tiếp cận được vốn vay, giá vật liệu xây dựng ổn định cùng với sự khởi động của các dự án đầu tư tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh.

Việt Nam là nước đang phát triển, nhu cầu phát triển hạ tầng giao thông rất lớn để kết nối các vùng kinh tế. Riêng đối với khu vực miền Trung, trong Quyết định số 2054/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm miền trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã đưa ra các mục tiêu, quy hoạch phát triển như sau:

- Mục tiêu về kết cấu hạ tầng giao thông đến năm 2020: Phần đầu đưa vào cấp kỹ thuật hệ thống quốc lộ hiện có, trong đó ưu tiên nâng cấp mở rộng quốc lộ 1, các trục ngang nối các tỉnh trong Vùng và các vùng khác trong cả nước. Hoàn thành tuyến cao tốc La Sơn - Túy Loan, Đà Nẵng - Quảng Ngãi. Triển khai xây dựng tuyến Cam Lộ - La Sơn và Quảng Ngãi - Bình Định theo Quy hoạch mạng đường bộ cao tốc. Phần đầu đưa vào cấp kỹ thuật hệ thống đường tỉnh và mở mới một số tuyến cần thiết. Tiếp tục phát triển giao thông nông thôn, phần đầu 100% đường huyện, tối thiểu 70% đường xã được cứng hóa bằng nhựa hoặc bê tông xi măng; đường huyện đạt tối thiểu cấp V, đường xã đạt tối thiểu cấp VI; 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã; tối thiểu 50% đường thôn xóm được cứng hóa, đạt loại A trở lên; 50% đường trục chính nội đồng được cứng hóa, phương tiện cơ giới đi lại thuận tiện. Xây dựng đường ven biển theo quy hoạch.
- Định hướng phát triển đến năm 2030: Cơ bản hoàn thiện và hiện đại hóa mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông; kết nối thuận lợi giữa các phương thức vận tải, giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng, với cả nước và quốc tế. Tiếp tục xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng khác theo quy hoạch. Các tuyến đường bộ cao tốc cơ bản được hoàn thành; xây dựng một số đoạn trên tuyến đường sắt đôi Bắc - Nam; hoàn thành xây dựng các tuyến đường sắt, đường bộ kết nối tới các cảng biển; hình thành và phát triển mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Đà Nẵng và thành phố Huế.
- Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông:
 - ✓ Xây dựng các trục đường cao tốc Bắc - Nam trong vùng dài 483 km, trong đó gồm: Hoàn thành đoạn Đà Nẵng - Quảng Ngãi; đoạn La Sơn - Túy Loan; Huy động các nguồn vốn để tiếp tục đầu tư đoạn Cam Lộ - La Sơn, dài khoảng 98 km và đoạn Quảng Ngãi - Bình Định, dài khoảng 170 km, quy mô 4 làn xe;
 - ✓ Nghiên cứu xây dựng tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku dài khoảng 160 km, quy mô 4 làn xe.
 - ✓ Xây dựng các tuyến quốc lộ: Quốc lộ 1 từ Phong Điền (tỉnh Thừa Thiên Huế) đến Đèo Cù Mông (tỉnh Bình Định) dài khoảng 460 km; Đường

Hồ Chí Minh Nhánh phía Tây từ đèo Pe Ke (tỉnh Thừa Thiên Huế) đến Thạnh Mỹ (tỉnh Quảng Nam), dài khoảng 150 km; nhánh phía Đông từ Cam Lộ - La Sơn - Túy Loan theo quy hoạch cao tốc; Tuyến Đông Trường Sơn: Đoạn trong Vùng từ thị trấn Thạnh Mỹ (tỉnh Quảng Nam) đến xã Sơn Lập (tỉnh Quảng Ngãi), dài khoảng 175 km; Quốc lộ 14B Từ Tiên Sa (thành phố Đà Nẵng) đến Thạnh Mỹ (tỉnh Quảng Nam), dài khoảng 74 km; Quốc lộ 14D từ Giăng đến cửa khẩu Đắc Tà Oóc biên giới Việt Lào (tỉnh Quảng Nam), dài khoảng 75 km; Quốc lộ 14E hoàn thiện nâng cấp đoạn từ quốc lộ 1A (ngã ba Cây Cốc - Thăng Bình) đến thị trấn Khâm Đức đường Hồ Chí Minh (tỉnh Quảng Nam), dài khoảng 79 km; các tuyến quốc lộ 24, 24B, 19, 1D, 40B, 24C, 14G, 14B, 49B, 19C ...

Như vậy, trong các năm tiếp theo triển vọng phát triển của ngành xây dựng và phát triển hạ tầng là rất lớn.

9.3. Đánh giá sự phù hợp của Công ty với sự phát triển của Ngành

Trong suốt quá trình hoạt động và phát triển, Công ty luôn phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo mục tiêu chính là lấy ngành xây dựng và phát triển hạ tầng làm nòng cốt. Cùng với việc khẳng định, nâng cao uy tín trong các công trình đã thi công, Công ty cũng đã mạnh dạn chuyển hướng sang các công trình đòi hỏi yếu tố kỹ thuật cao như các công trình giao thông trọng điểm để tích lũy kinh nghiệm, nâng cao hình ảnh cũng như thương hiệu.

Bên cạnh đó, theo chủ trương về cổ phần hóa doanh nghiệp, Công ty cũng quyết tâm chuyển đổi mô hình hoạt động sang hình thức công ty cổ phần nhằm đổi mới phương thức quản lý, huy động các nguồn lực từ xã hội nhằm đáp ứng các yêu cầu sản xuất trong thời kỳ mới, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

10. Thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm qua

a) Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ giúp đỡ của ban lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn, các địa phương như Gia Lai, Lâm Đồng, Huế, các Ban quản lý dự án (46, 47) và các cơ quan chức năng giúp đỡ Công ty trong quá trình hoạt động, kinh doanh.
- Với bề dày lịch sử hơn 35 năm hoạt động, với kinh nghiệm đã tích lũy qua các thời kỳ, trình độ kỹ thuật của các Cán bộ công nhân viên đáp ứng cho nhu cầu thi công đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thi công các công trình lớn, phức tạp.
- Tận dụng được nguồn việc chuyển tiếp từ các năm trước sang, giá cả các mặt hàng chủ yếu ổn định, đặc biệt giá thép và xăng dầu giảm mạnh tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất; người lao động yên tâm, phấn khởi, nội bộ đoàn kết thống nhất cao.
- Công tác đầu tư tăng năng lực thiết bị được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, có trọng tâm, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.
- Công tác huy động vốn đảm bảo cho sản xuất đã được các cấp ủy, chỉ huy tập trung chỉ đạo, lãnh đạo có hiệu quả.



- Công tác hạch toán kế toán tại các đơn vị trực thuộc có bước chuyển biến tích cực. Duy trì nề nếp chế độ báo cáo, quyết toán Tài chính, tăng cường kiểm tra kiểm soát tình hình Tài chính; kịp thời phát hiện, khắc phục những sơ hở, yếu kém, không để xảy ra sai phạm trong công tác quản lý Tài chính.
- Công ty đã đảm bảo việc làm đời sống và chế độ chính sách đối với người lao động; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường đối thoại trực tiếp giữa Giám đốc đối với người lao động, không khí dân chủ được cải thiện, những vấn đề vướng mắc, bức xúc cơ bản được giải quyết kịp thời.

b) Khó khăn

- Cạnh tranh, tìm kiếm việc làm trên thị trường ngày càng gay gắt.
- Quy mô vốn tự có còn hạn chế so với nhiều doanh nghiệp xây dựng khác, hoạt động sản xuất kinh doanh phần lớn dựa vào nguồn vốn vay làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.
- Công tác nghiệm thu, thanh toán, thu hồi công nợ tại một số công trình còn chậm ảnh hưởng đến quay vòng vốn cho sản xuất của Công ty.
- Một số máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất đã cũ, lạc hậu cần phải được đầu tư, thay thế, nâng cấp.
- Công tác quản lý, điều hành ở một số đơn vị còn thiếu chủ động, chưa thật sự quyết liệt; sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng với đơn vị sản xuất còn thiếu linh hoạt và chưa thật sự gắn kết chặt chẽ.

III. THỰC TRẠNG TÀI SẢN TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Tài sản cố định của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên tài sản	Theo giá trị đánh giá lại		Theo giá trị sổ sách	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa vật kiến trúc	-	-	-	-
2	Máy móc thiết bị	29.032	12.204	28.962	8.411
3	Phương tiện vận tải	10.590	3.274	10.340	1.628
	Cộng	39.622	15.478	39.302	10.039

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 của Công ty TNHH MTV 145

2. Tình hình sử dụng đất đai

Hiện tại Công ty có 2 khu đất đang được Công ty sử dụng làm trụ sở Công ty và bãi tập kết xe máy, cụ thể như sau:

STT	Khu đất	Diện tích sử dụng (m ²)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng
1	Hiện đang làm trụ sở Công ty	2.701,25m ²	Nhà cấp 3, cấp 4	Nhà làm việc, nhà công vụ, nhà ăn.	Nhà làm việc, nhà công vụ, nhà ăn.	Không thời hạn
2	Bãi tập kết xe máy	16.039,5 m2	không	Bãi tập kết xe máy.	Bãi tập kết xe máy.	Không thời hạn
Tổng cộng:		18.740.75m2				

3. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Theo Quyết định số 4357/QĐ-BQP ngày 17/10/2016 của Bộ Quốc Phòng về giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên 145 tại thời điểm 24h ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

- Giá trị thực tế của Công ty TNHH Một thành viên 145 là **144.998.070.974** đồng.
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là **29.769.741.973** đồng.

Chi tiết kết quả đánh giá lại như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4 = 3 - 2
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	139.342	144.998	5.656
I. Tài sản dài hạn	41.617	47.273	5.656
1. Các khoản phải thu dài hạn	19.557	19.557	-
2. Tài sản cố định	10.039	15.478	5.439
3. Tài sản dài hạn khác	12.021	12.238	217
II. Tài sản ngắn hạn	97.725	97.725	-
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	10.644	10.644	-
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn	8.978	8.978	-

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
hạn			
3. Các khoản phải thu	27.608	27.608	-
4. Hàng hóa tồn kho	50.465	50.465	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	29	29	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DỪNG	1.287	1.287	-
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	140.629	146.285	5.656
Trong đó:			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	139.342	144.998	5.656
E1. Nợ thực tế phải trả	115.228	115.228	
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-		
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (A - (E1+E2))	24.113	29.769	5.656

Nguồn: Hồ sơ XDGT DN Công ty TNHH Một thành viên 145

4. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

Giá trị sử dụng đất: đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty 145 đang quản lý sử dụng khu đất có diện tích 18.740,75 m² tại Phường Ngô Mây, Thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai. Toàn bộ số đất này đã được Tư lệnh binh đoàn 12 ra Quyết định thu hồi theo Quyết định số 954a/QĐ-BĐ ngày 09/10/2015. Công ty 145 có trách nhiệm bàn giao toàn bộ số đất này cùng nhà cửa, vật kiến trúc trên đất cho cơ quan chức năng Binh đoàn 12 quản lý theo quy định.

Giá trị tài sản cố định không cần dùng và chờ thanh lý của Công ty 145 không tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2015 là: 5.967.375.495 đồng; giá trị còn lại: 1.286.902.337 đồng. Trong

khi chưa được Tổng Công ty Trường Sơn thu hồi theo quy định, Công ty 145 có trách nhiệm tiếp tục quản lý để không xảy ra thất thoát tài sản của Nhà nước.

Khoản chi phí trả trước dài hạn trị giá 12.021.458.079 đồng của gói 4+5 đường tuần tra biên giới Kontum và Gói 11+12 Quốc lộ 1A, Công ty 145 cần rà soát theo định mức và dự toán được duyệt, hạch toán vào kết quả sản xuất kinh doanh theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Trường hợp phát sinh thua lỗ do việc hạch toán trên thì Công ty cần phân tích làm rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, báo cáo với các cơ quan chức năng, Tổng Công ty để xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan, đề xuất trừ số lỗ do nguyên nhân khách quan ra khỏi giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa.

Theo số liệu Quyết toán tài chính 09 tháng đầu năm 2016, Công ty 145 lỗ lũy kế khoảng 6.990.435.527 đồng và còn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh số lỗ thêm trong năm 2016. Đề nghị khi chốt số liệu tài chính chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty cần phân tích làm rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, báo cáo với các cơ quan chức năng, Tổng Công ty để xử lý trách nhiệm các tập thể, cá nhân có liên quan; số lỗ còn lại do nguyên nhân khách quan đề nghị giảm trừ vào phần vốn nhà nước khi chuyển sang Công ty cổ phần.

PHẦN II. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ CỔ PHẦN HÓA

1. Cơ sở pháp lý để cổ phần hóa

- ✓ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- ✓ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013; Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần
- ✓ Thông tư số 56/2013/TT-BQP ngày 02/5/2013 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trong Quân đội thành công ty cổ phần;
- ✓ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- ✓ Thông tư số 114/2015/TT-BQP ngày 28/09/2015 của Bộ quốc phòng quy định về bố trí, sử dụng và chế độ chính sách đối với các đối tượng làm việc tại doanh nghiệp quân đội thực hiện cổ phần hóa và tại công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước do Bộ Quốc phòng làm chủ sở hữu.
- ✓ Công văn số 25/TTg-ĐMDN ngày 30/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng;
- ✓ Quyết định số 5034/QĐ-BQP của Bộ Quốc Phòng ngày 25/11/2015 về thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên 145 thuộc Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn;
- ✓ Quyết định số 5035/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng ngày 25/11/2015 về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên 145 thuộc Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn;
- ✓ Quyết định số 2069/QĐ-BCĐ của Ban chỉ đạo CPH ngày 02/12/2015 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV 145 về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên 145;
- ✓ Căn cứ Quyết định số 4357/QĐ-BPQ ngày 17/10/2016 của Bộ Quốc Phòng về phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên 145 thuộc Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn để cổ phần hóa.
- ✓ Và một số văn bản pháp luật liên quan đến công tác cổ phần hóa khác.

2. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, thực hiện Quyết định số 5034/QĐ-BQP ngày 25/11/2015 của Bộ Quốc Phòng về việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên 145, Công ty TNHH Một thành viên 145 thực hiện chuyển đổi sang mô hình hoạt động Công ty cổ phần với những mục đích:

- Thực hiện chủ trương của chính phủ về đa dạng hóa hình thức sở hữu, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sử dụng vốn của nhà nước; nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp; tạo động lực mạnh mẽ cho người lao động và cơ chế quản lý năng



động, làm cho doanh nghiệp tự chủ, năng động và trách nhiệm cao hơn, phù hợp với cơ chế thị trường và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Huy động vốn của toàn xã hội, bao gồm: cá nhân, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội trong nước và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp.
- Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông; tăng cường sự giám sát của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp; đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.
- Sau cổ phần hóa, phấn đấu đạt mức tăng trưởng cao, thu nhập của người lao động ngày càng nâng cao, đóng góp nhiều hơn cho Ngân sách Nhà nước.

3. Yêu cầu cổ phần hóa

- Đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty.
- Không gây ra biến động lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, các cổ đông và người lao động
- Thực hiện công khai minh bạch nguyên tắc thị trường.

4. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

Công ty TNHH Một thành viên 145 là một đơn vị luôn hoàn thành nhiệm vụ mà Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn đề ra, Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ, tạo điều kiện sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Cùng với đó là tình hình tài chính qua các năm tương đối ổn định nên đây là điều kiện thuận lợi cho Công ty 145 trong việc chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Cơ cấu tổ chức của Công ty phù hợp, không có sự công kênh, phù hợp với quy mô và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Công ty luôn sát sao và tuân thủ các quy định chủ trương, chính sách của Nhà nước về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Hình thức cổ phần hóa

Công ty thực hiện cổ phần hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011: ***“Bán bớt một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp”***.

1. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- ✓ Tên đầy đủ của Công ty : Công ty cổ phần Trường Sơn 145
- ✓ Tên Tiếng Anh : Truong Son 145 Joint Stock Company
- ✓ Tên viết tắt : Công ty 145
- ✓ Địa chỉ : Km 75, Quốc lộ 19 - Phường Ngô Mây - Thị xã An Khê - Gia Lai.
- ✓ Điện thoại : 059 3833005
- ✓ Fax : 059 3833285

2. Ngành nghề kinh doanh chính

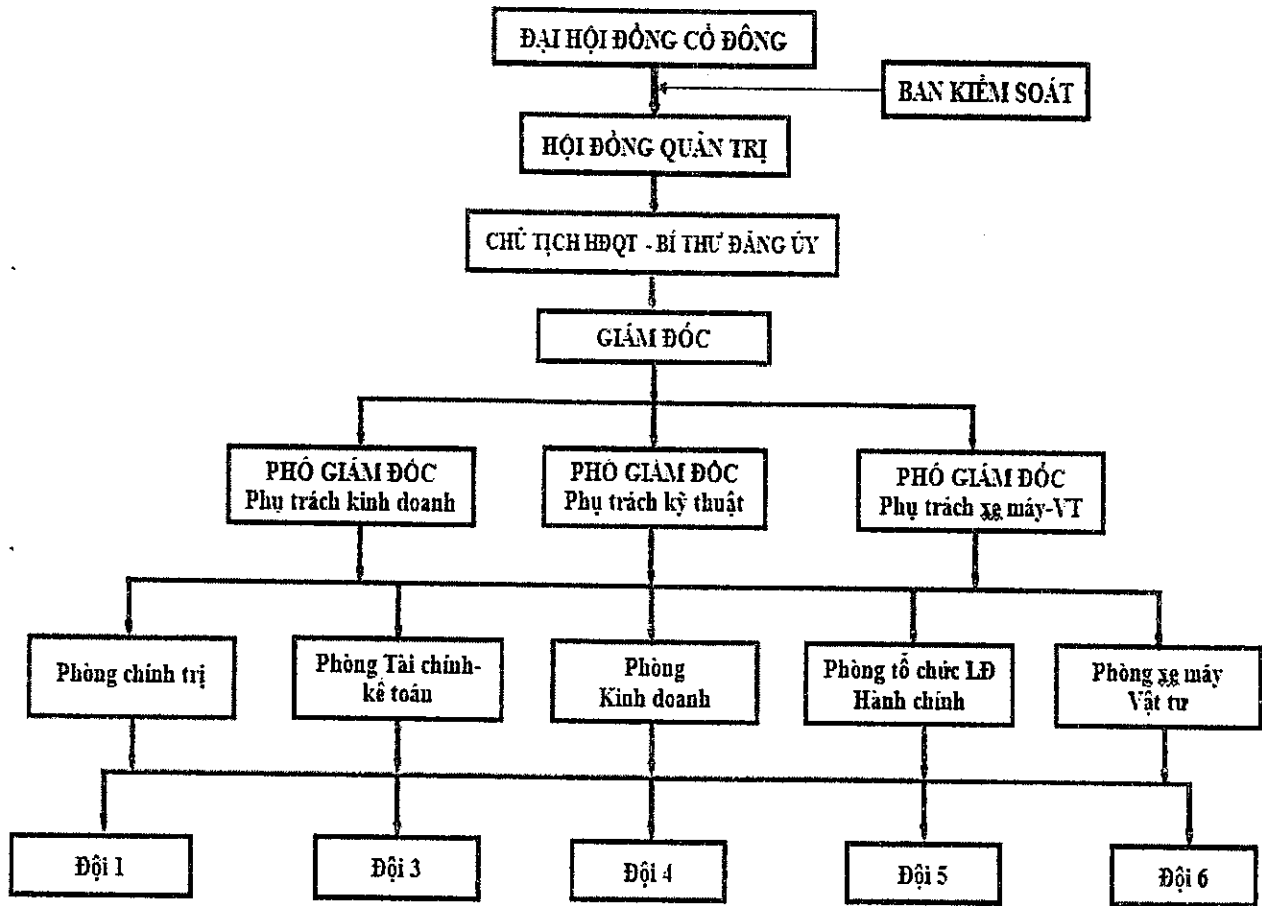
Sau khi chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty vẫn tập trung hoạt động sản xuất kinh doanh các ngành nghề kinh doanh như trước cổ phần hóa, cụ thể như sau:



TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210 (chính)
2	Xây dựng nhà các loại	4100
3	Chuẩn bị mặt bằng	4312
4	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
5	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
6	Xây dựng công trình công ích	4220
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
8	Phá dỡ	4311
9	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, và điều hòa không khí	4322
10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
11	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
12	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
13	Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm	

III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN

1. Cơ cấu tổ chức:



✚ **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**

Đại hội đồng cổ đông Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần. ĐHCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

✚ **Hội đồng quản trị (HĐQT)**

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành.

✚ **Ban kiểm soát (BKS)**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ, như: Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong việc quản lý, điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản kinh doanh và tài chính công ty; Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập ĐHCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;

✚ **Ban Giám đốc**

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc theo luật định, theo Điều lệ của Công ty, v.v... và giải quyết những vấn đề được Hội đồng quản trị phân cấp hoặc ủy quyền cho Giám đốc.

Giám đốc điều hành chung các hoạt động của Công ty và trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực. Giám đốc bằng quyết định của mình phân công cho các Phó Giám đốc phụ trách một số lĩnh vực cụ thể. Theo yêu cầu điều hành trong từng thời gian, Giám đốc có thể điều chỉnh lại sự phân công công việc giữa các Phó Giám đốc. Khi cần thiết Giám đốc có thể ủy quyền cho Phó Giám đốc thực hiện một số nhiệm vụ của Giám đốc.

✚ **Các phòng ban nghiệp vụ**

Các Phòng ban chuyên môn nghiệp vụ gồm: Phòng Kế toán Tài chính, Phòng Tổ chức lao động - Hành chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Xe máy – Vật tư, Phòng Chính trị, Xí nghiệp trực thuộc, Đội xây dựng công trình có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

Thời gian đầu sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ giữ nguyên mô hình tổ chức, biên chế, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban. Trong quá trình hoạt động, Công ty sẽ rà soát, kiện toàn cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty

- Công ty có các quyền về quản lý tài chính.
- Được tiếp tục kế thừa các quyền lợi, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ khác của Công ty TNHH chuyển sang.
- Sử dụng cán bộ và người lao động hiện có và thực hiện chế độ chính sách và quyền lợi theo quy định hiện hành.
- Thực hiện các nhiệm vụ quân sự do Bộ Quốc phòng giao (đối với các đơn vị quân sự hiện có).
- Quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và theo quy định của pháp luật

IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

1.1. Cơ sở xây dựng vốn điều lệ

- Căn cứ Khoản 1 Điều 9 và Khoản 1 Điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP;
- Giá trị phần vốn nhà nước được phê duyệt theo Quyết định số 4357/QĐ-BQP ngày 17/10/2016 của Bộ Quốc Phòng;
- Công văn số 25/TTg-ĐMDN ngày 30/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng;
- Nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở đó, Công ty đề xuất Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần như sau:

- + Vốn điều lệ đề xuất : **29.769.700.000 đồng**
- + Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- + Số lượng cổ phần : **2.976.970 cổ phần**

1.2. Cơ cấu vốn điều lệ

TT	Danh mục	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	1.071.709	10.717.090.000	36,00%
2	Cổ phần bán cho CBCNV, trong đó:	180.300	1.803.000.000	6,06%
2.1	Cổ phần bán ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất	161.700	1.617.000.000	5,43%
2.2	Cổ phần đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài cho Công ty (200 CP/năm công tác)	2.000	20.000.000	0,07%



2.3	Cổ phần đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài cho Công ty (500 CP/năm công tác)	16.600	166.000.000	0,56%
3	Cổ phần bán cho Công đoàn công ty	44.655	446.550.000	1,5%
4	Cổ phần bán ra bên ngoài	1.680.306	16.803.060.000	56,44%
4.1	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	0	0	0,00%
4.2	Cổ phần bán đấu giá công khai (IPO)	1.680.306	16.803.060.000	56,44%
	Tổng Cộng	2.976.970	29.769.700.000	100%

2. Cổ phần

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế được thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty cổ phần và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Đối tượng mua cổ phần

3.1. Cổ phần bán cho Cán bộ công nhân viên

❖ Cổ phần ưu đãi giảm giá (giảm 40% bán cho NLD) theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP.

- Tổng số lao động đến thời điểm 17/10/2016 : 145 người
- Tổng số lao động được mua ưu đãi : 137 người
- Tổng số năm công tác : 1.622 năm
- Tổng số cổ phần được mua ưu đãi : 162.200 phần, chiếm 5,45% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.
- Tổng số cổ phần đăng ký mua ưu đãi : 161.700 phần, chiếm 5,43% vốn điều lệ của Công ty cổ phần

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá mua ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công bình quân khi tổ chức đấu giá công khai.

Danh sách người lao động, năm công tác của từng người, số cổ phần từng người được mua theo giá ưu đãi được lập theo Phụ lục 2 đính kèm phương án này.

❖ Cổ phần ưu đãi theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP: 18.600 cổ phần, tương ứng 0,63% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần, với giá mua bằng giá đấu thành công thấp nhất khi tổ chức đấu giá công khai.

3.2. Cổ phần bán cho Công đoàn

Số cổ phần bán cho Tổ chức Công đoàn công ty là 44.655 cổ phần, tương ứng 1,5% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần với giá mua ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công bình quân khi tổ chức đấu giá công khai.

3.4. Cổ phần bán đấu giá công khai

- ❖ **Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai:** 1.680.306 cổ phần, tương ứng 56,44% vốn điều lệ.
- ❖ **Thời gian bán cổ phần dự kiến:**
Thời gian bán cổ phần được quy định cụ thể và được công bố rộng rãi tại Quy chế bán đấu giá cổ phần nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày có quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa.
- ❖ **Giá khởi điểm chào bán:** Căn cứ kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, tình hình hoạt động kinh doanh, triển vọng phát triển của Công ty và diễn biến thị trường chứng khoán hiện nay, Công ty đề xuất giá khởi điểm chào bán cổ phần là **10.000 đồng/cổ phần**.
- ❖ **Cơ quan thực hiện bán đấu giá cổ phần:** Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) - Số 02 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Điện thoại (84-4) 39412626; Fax: (84-4) 39347818.
- ❖ **Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần:** Chi nhánh TP. HCM - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội
Địa chỉ: 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại: (84-8) 3945 1368 Fax:(84-8) 3915 1369
- ❖ **Đối tượng tham gia đấu giá:** Tất cả các nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

4. Xử lý số lượng cổ phần không bán hết

Trường hợp Công ty không chào bán hết số cổ phần chào bán theo Phương án được phê duyệt, Ban chỉ đạo cổ phần hoá được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham gia đấu giá theo phương thức thoả thuận trực tiếp.

Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thoả thuận trực tiếp mà vẫn không bán hết, Ban chỉ đạo cổ phần hoá báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty để chuyển thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu. Việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên xác định số cổ phần bán được là số cổ phần phát hành thêm theo phương án bán cổ phần đã được phê duyệt. Trường hợp tổng số cổ phần bán được (kể cả thông qua phương thức bán đấu giá công khai) lớn hơn số cổ phần phát hành thêm theo phương án bán cổ phần thì phần chênh lệch tăng được xác định là cổ phần bán vốn nhà nước.

5. Đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán

Số cổ phần mua qua đấu giá sẽ được lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính.

Sau khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp), Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng theo Điều 14 Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Chính phủ.

6. Chi phí cổ phần hóa

TT	Khoản mục chi phí	Số tiền (đồng)
I	Chi phí thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, lập phương án cổ phần hóa và tư vấn đấu giá cổ phần	350.000.000
II	Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp	231.500.000
1	Chi phí cho việc tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp	26.500.000
2	Chi phí kiểm kê xác định giá trị tài sản	20.000.000
3	Chi phí lập phương án cổ phần hóa	30.000.000
4	Chi phí cho đại hội công nhân viên chức để triển khai cổ phần hóa	20.000.000
5	Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố các thông tin về doanh nghiệp	20.000.000
6	Chi phí cho việc tổ chức bán cổ phần	50.000.000
7	Chi phí cho đại hội đồng cổ đông lần đầu	15.200.000
8	Các chi phí bàn giao công ty cũ và ra mắt công ty cổ phần	15.000.000
III	Chi phí cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc cổ phần hóa	245.000.000
	Tổng cộng	826.500.000

Chi phí cổ phần hoá sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh sau khi kết thúc quá trình cổ phần hoá.

7. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty tạm tính số tiền thu từ cổ phần hóa theo phương án giá định tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm là 10.000 đồng/CP, sau khi có giá chính thức sẽ điều chỉnh theo, cụ thể như sau:

TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	29.769.700.000
2	Vốn nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	29.769.741.973
3	Tiền thu từ cổ phần hóa	18.227.190.000
A	Thu từ bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV và công đoàn công ty	1.238.130.000

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV 145

TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
	(theo giá ưu đãi dự kiến là 6.000 đồng/cổ phần).	
B	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV mua thêm theo năm cam kết	186.000.000
C	Thu từ bán cho cổ đông chiến lược	0
D	Thu từ bán đấu giá	16.803.060.000
4	Giá trị cổ phần theo giá khởi điểm bán cho CBCNV, cổ đông chiến lược, bán đấu giá ra bên ngoài	18.606.060.000
5	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm (5) = (1) - (2)	0
6	Chi phí cổ phần hóa đơn vị thực hiện	826.500.000
7	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư và giải quyết chế độ cho CNVQP	270.068.975
8	Chi phí chờ hưu của Sĩ quan và QNCN	0
9	Phần thặng dư để lại doanh nghiệp tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/vốn điều lệ (8) = { (3) - (4) - (6) - (7) - (8) } x { (5)/(1) }	0
10	Tổng số hoàn vốn ngân sách (9) = (3) - (5) - (6) - (7) - (8) - (9)	17.130.621.025

V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN

Thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TM ngày 29/04/2016 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt vị trí đóng quân của Công ty sau khi cổ phần hóa, Công ty đã được UBND tỉnh Khánh Hòa cho thuê 1.477,2 m² đất tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 59 thuộc Khu dân cư Hòn Rớ II, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD927243 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 11/10/2016, thời hạn thuê đất là 50 năm. Hiện tại, trong khi chờ hoàn tất việc đầu tư xây dựng trụ sở mới tại Nha Trang, Công ty vẫn tiếp tục sử dụng trụ sở cũ tại thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

STT	Khu đất	Diện tích sử dụng (m ²)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng
1	Khu dân cư Hòn Rớ II, Nha Trang	1.790 m ²	Văn phòng làm việc	Đất thương mại dịch vụ.	Sử dụng riêng	08/06/2066

VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Để nâng cao hiệu quả SXKD của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang Công ty cổ phần. Căn cứ vào hiện trạng và nhu cầu sử dụng lao động phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty sau khi chuyển sang hình



PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV 145

thức Công ty cổ phần, phù hợp với các quy định của Pháp luật về lao động, Công ty dự kiến phương án sử dụng lao động như sau:

1. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty Cổ phần

Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ (%)
*Theo trình độ lao động	145	
- Trên đại học	0	-
- Đại học	41	28,28
- Cao đẳng	10	6,90
- Trung cấp các loại	32	22,07
- Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	62	42,75
* Phân theo lao động	145	
- Sĩ quan, QNCN	93	64,14
- Công nhân viên quốc phòng	16	11,03
- Chiến sĩ	08	5,52
- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	28	19,31
- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	0	-
* Phân theo giới tính	145	
- Nam	130	89,66
- Nữ	15	10,34

2. Phân loại lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	145	
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng		
	a) Sĩ quan và Quân nhân chuyên nghiệp (QNCN)	93	64,14
	b) Công nhân quốc phòng	16	11,03
	c) Chiến sĩ	08	5,52
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	28	19,31
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 tháng đến dưới 36 tháng	-	-
II	Số lao động nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	-	-
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	-	-
2	Sĩ quan, QNCN phục viên theo nghị định số 21/2009/NĐ-CP	-	-



TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
3	Số lao động dôi dư theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP	-	-
	a) Tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21/4/1998	-	-
	b) Tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21/4/1998	-	-
III	Tổng số lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần		
1	Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp	93	64,14
2	Công nhân viên quốc phòng (sau chuyển sang HDLĐ)	16	11,03
3	Chiến sĩ	08	5,52
4	Lao động hợp đồng không xác định thời hạn	28	19,31
5	Lao động làm việc theo HDLĐ xác định thời hạn từ 12 tháng đến dưới 36 tháng	-	-

3. Báo cáo thực hiện chính sách với người lao động

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	Đồng	29.769.700.000	
	- Tỷ lệ cổ phần của Nhà nước	%	36,00	
	- Tỷ lệ cổ phần ưu đãi CBCNV	%	5,43	
	- Tỷ lệ bán cho Công đoàn	%	1,5	
	- Tỷ lệ bán cho CBCNV theo năm cam kết	%	0,63	
	- Tỷ lệ bán ra bên người doanh nghiệp	%	56,44	
2	Giá trị thực tế phần vốn tại doanh nghiệp	Đồng	29.769.741.973	
3	Tổng số cổ phần bán cho CBNV	Cổ phần	161.700	
	- Giá trị 161.700 cổ phần được ưu đãi (tạm tính bằng 40% giá khởi điểm)	Đồng	646.800.000	
	- Tỷ trọng so với tổng vốn nhà nước nắm giữ	%	15,09	
4	Tổng số lao động tại thời điểm công bố GTDN	Người	145	
	- Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	Người	145	
	- Số lao động không bố trí được việc làm	Người	-	
	- Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động	Người	-	
	- Nghỉ hưu	Người	-	
5	Kinh phí chi trả cho lao động dôi dư	Đồng	-	
	- Từ nguồn của doanh nghiệp	Đồng	-	
	- Từ quỹ hỗ trợ xếp doanh nghiệp	Đồng	-	
6	Kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc làm	Đồng	270.068.975	

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Ghi chú
	theo Bộ luật Lao động			

Nguồn: Công ty TNHH MTV 145

4. Chính sách giải quyết lao động dôi dư

Công ty không có lao động dôi dư.

5. Chính sách đối với công nhân viên quốc phòng (CNVQP)

Tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 17/10/2016, Công ty có 16 người lao động là CNVQP.

Khi bàn giao doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần, Công ty giải quyết cho CNVQP chế độ thôi việc theo quy định hiện hành và chuyển sang ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Quyền lợi quy định theo Nghị định 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 được tính: cứ 1 năm công tác (đủ 12 tháng) của CNVQP thì được trợ cấp 1/2 tháng lương. Tổng số tiền trợ cấp cho 16 CNVQP là: **270.068.975 đồng**. Số tiền trợ cấp do Công ty chi trả và hạch toán theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư 114/2015/TT-BQP ngày 28/09/2015.

6. Chính sách đối với Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp

Được hưởng các chính sách theo quy định tại Thông tư 114/2015/TT-BP ngày 28/9/2015 quy định về bố trí, sử dụng và chế độ chính sách đối với các đối tượng làm việc tại doanh nghiệp quân đội thực hiện cổ phần hóa và tại công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước do Bộ Quốc phòng làm chủ sở hữu.

- Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (17/10/2016): có 93 sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp.

- Sĩ quan, QNCN đủ tuổi về hưu theo quy định hiện hành: 0 người.

- Sĩ quan, QNCN thôi phục vụ tại ngũ, giải quyết phục viên theo chính sách: 0 người.

Kinh phí dự kiến chi trả: **0 đồng**.

VII. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 3 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội và các dự án tiếp theo sau cổ phần hóa

1.1. Tình hình kinh tế - xã hội

Theo Tổng cục thống kê, một số chỉ tiêu về tình hình kinh tế trong năm vừa qua như sau:

- ❖ Tăng trưởng kinh tế: Hiện nay, kinh tế chung Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực và dần đi vào ổn định hơn, GDP năm 2015 tăng hơn 6,68% so với năm 2014, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp tăng 9,39%. Ngành xây dựng đạt mức tăng 10,82% so với năm trước, đây là mức tăng cao nhất kể từ năm 2010. Năm 2016, mục tiêu tăng trưởng GDP được đặt ra là 6,7%.
- ❖ Lạm phát: Năm 2015, tỷ lệ lạm phát đã được kiềm chế rất tốt, cả năm chỉ tăng khoảng 0,63%, đây là tốc độ tăng tương đối thấp kể từ năm 2001 trở lại đây. Mục tiêu năm 2016, tỷ lệ lạm phát được kiềm chế dưới 5%.
- ❖ Lãi suất: Trong thời gian gần đây, lãi suất huy động liên tục giảm do tín dụng tăng yếu, ngân hàng thừa vốn. Hiện nay, lãi suất huy động kỳ hạn ngắn dao

động từ 5% - 7%/năm, lãi suất cho vay dao động từ 8% - 10%/năm đang giải quyết áp lực về chi phí sử dụng vốn cho doanh nghiệp.

Như vậy, môi trường kinh doanh chung đã đi vào ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp.

1.2. Các dự án thi công

Trong những năm tới Công ty dự báo có nhiều thuận lợi: nguồn việc làm trong lĩnh vực xây lắp được duy trì ổn định do nguồn việc làm chuyển từ năm 2016 sang, các nguồn việc làm mới có giá trị lớn và tính khả thi cao. Một số dự án mà Công ty đang thực hiện và các dự án tiềm năng như sau:

1. Thi công xây dựng Gói thầu XL2, XL19, XL22 thuộc dự án: Đầu tư xây dựng công trình đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn - Túy Loan (KM0 - KM80), tỉnh Thừa Thiên Huế và TP Đà Nẵng theo hình thức hợp đồng BOT.
2. Thi công xây dựng Dự án thủy điện Krong Pa 2 huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.
3. Thi công xây dựng Gói thầu Cầu C14 thuộc Dự án đường Trường Sơn Đông.
4. Thi công xây dựng Gói thầu Kè chống sạt lở bờ Tây sông Ayun, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.
5. Thi công xây dựng Gói thầu số 01 thuộc Dự án Đường tỉnh 666, huyện Mang Yang và huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.
6. Dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, Giai đoạn 1, theo hình thức hợp đồng BOT.
7. Các công trình đang tiếp cận: Công trình thuộc sở Văn hóa thể thao và Du lịch Gia Lai, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên, Đường ven biển tỉnh Khánh Hòa, đường tránh thành phố Pleiku, cả dự án thủy lợi : Hồ Play Thơ Ga, Hồ Tàu Dầu tỉnh Gia Lai.
8. Các dự án của Tổng công ty, Ban Quản lý 46+47 – Bộ Quốc phòng, Ban quản lý dự án đường HCM, Ban quản lý dự án Thăng Long – BỘ GTVT, các dự án thuộc địa bàn các tỉnh Miền Trung Tây Nguyên...

2. Mục tiêu, chiến lược phát triển Công ty

2.1. Mục tiêu

- Tập trung lãnh đạo, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu đã đề ra. Tăng cường công tác quản lý nhằm nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, trong đó trọng tâm là quản lý Tài chính để nâng cao hiệu quả SXKD, bảo toàn và phát triển vốn. Tích cực, chủ động tìm kiếm việc làm đảm bảo đầy đủ việc làm và nâng cao đời sống, thu nhập của người lao động.
- Tiếp tục nâng cao năng lực thi công, mở rộng thị trường, tạo ra sức cạnh tranh lớn trên thị trường.
- Đầu tư khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.
- Duy trì thị phần trong Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn, tăng trưởng doanh thu bình quân 15% năm. tới năm 2021 sản lượng và doanh thu đạt trên 500 tỷ đồng.



- Lợi nhuận thực hiện hàng năm tối thiểu 2% doanh thu.

2.2. Chiến lược phát triển

- Chiến lược về thị trường: Tiếp tục củng cố, giữ vững, nâng cao thị trường xây dựng công trình thuộc các Dự án của Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn, Bộ Quốc phòng, Bộ GTVT; giữ vững thị trường truyền thống các tỉnh: Gia Lai, Bình Định. Đẩy mạnh phát triển thị trường xây dựng tại các tỉnh duyên hải Miền Trung Tây Nguyên.
- Về ngành nghề kinh doanh: Tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính là xây dựng cầu, đường, thủy lợi, thủy điện, xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp. Trong đó lấy xây dựng cầu đường, thủy lợi làm trọng tâm, mở rộng sang các lĩnh vực sản xuất, cung ứng vật liệu, các cấu kiện bán thành phẩm.
- Về cơ sở vật chất: Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật mới, công nghệ mới và sản xuất. Đầu tư, mua sắm các trang thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng lực thi công của Công ty.
- Về cơ cấu tổ chức hoạt động và điều hành: Đổi mới, sắp xếp, kiện toàn, ổn định tổ chức của Công ty theo hướng tinh giảm, phân công phân nhiệm rõ, giám đốc mỗi tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của cán bộ đáp ứng theo yêu cầu sản xuất kinh doanh. Xây dựng chức năng nhiệm vụ cụ thể, định biên của từng phòng ban. Xây dựng chức danh cho từng vị trí công tác. Rà soát phân loại cán bộ nhân viên cơ quan để bố trí công việc phù hợp. Kiện toàn mô hình tổ chức nâng cao năng lực quản lý và điều hành của các ban điều hành dự án, xây dựng các ban quản lý dự án điều hành hoạt động của các công trình để công tác quản lý tài sản, con người, chất lượng tiến độ thi công các công trình một cách hiệu quả nhất.
- Phát triển nguồn nhân lực: Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và mở rộng kiến thức ở các lĩnh vực khác liên quan khác đáp ứng mục tiêu và yêu cầu phát triển của Công ty. Đầu tư có trọng điểm cho công tác đào tạo các kỹ sư, cán bộ quản lý chuyên nghiệp, đội ngũ công nhân lành nghề.

3. Một số chỉ tiêu hoạt động SXKD trong 3 năm sau cổ phần hóa

STT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	2017	2018	2019
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	29.769	29.769	29.769
2	Tổng tài sản	Triệu đồng	152.423	160.045	168.146
3	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	29.769	30.660	31.581
4	Tổng doanh thu	Triệu đồng	165.455	182.727	200.909
5	Tổng chi phí	Triệu đồng	161.318	178.159	195.886
6	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.137	4.568	5.023
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.227	3.563	3.918



STT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	2017	2018	2019
8	Lao động bình quân	Người	140	140	140
9	Thu nhập bình quân/người/tháng	Đồng	8.000.000	8.500.000	9.000.000
10	Nộp ngân sách	Triệu đồng	7.250	7.975	8.773
11	Tỷ lệ LNST/Vốn CSH	%	10,84	11,62	12,41
12	Lãi cơ bản/1 cổ phiếu (EPS)	đồng	1,084	1,197	1,316
13	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	% năm	8	9	10
14	Trích lập các quỹ	Triệu đồng	645	713	784
	- Quỹ ĐTPT	%/LNST	10%	10%	10%
	- Quỹ KTPL	%/LNST	10%	10%	10%

4. Giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh

a. Giải pháp về ngành nghề

Tập trung nguồn lực phát triển ngành nghề kinh doanh truyền thông là xây dựng cầu, đường, thủy lợi và các công trình hạ tầng kỹ thuật dân dụng khác.

Tận dụng ưu thế vị trí địa lý của khu đất mới được cấp tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa để mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh dịch vụ, du lịch ...

b. Giải pháp về thị trường

- Cùng cố vững chắc các thị trường truyền thông, các tỉnh: Gia Lai, Phú Yên, Bình Định . Bám sát các dự án thuộc: Tổng công ty; Ban quản lý dự án 46, 47 và các dự án thuộc địa bàn duyên hải Miền Trung Tây Nguyên. Tiếp tục phát triển mở rộng các địa bàn, thị trường mới do Bộ Giao thông vận tải và các Tập đoàn kinh tế trong nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Ưu tiên phát triển thị trường tại khu vực tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh cực Nam Trung bộ khi có điều kiện. Thường xuyên cập nhật thông tin, nắm chắc tình hình và đặc thù của thị trường việc làm để có những nhận định, quyết sách hợp lý.

- Tiếp tục phát huy tính năng động, tự chủ trong công tác tiếp thị tìm kiếm việc làm; Có chính sách khuyến khích và đầu tư có chiều sâu cho công tác tìm kiếm việc làm; phân công phân nhiệm cụ thể, gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả tìm kiếm việc làm.

- Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh, liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt để cùng nhau phát triển.

- Chú trọng đầu tư mở rộng sang các lĩnh vực sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng, các cấu kiện bán thành phẩm.

c. Giải pháp về tài chính, vốn



- Cân đối bảo đảm tốt nguồn tài chính cho sản xuất kinh doanh. Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa tiền vốn hiện có. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo có hiệu quả công tác Tài chính, huy động, phân bổ, điều tiết vốn đáp ứng yêu cầu về tiến độ của các công trình.
 - Tăng cường công tác nghiệm thu, thanh quyết toán công trình hoàn thành. Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ tránh ứ đọng vốn.
 - Tập trung xây dựng củng cố hệ thống quản lý tài chính, cán bộ và nhân viên tài chính từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc, có sự đầu tư thích đáng cả về tổ chức, con người và cơ chế để nâng cao năng lực quản lý tài chính. Duy trì nền nếp chế độ báo cáo theo điều lệ công tác tài chính, tích cực học hỏi và ứng dụng những mô hình quản lý mới để nâng cao hiệu quả quản lý. Cấp ủy, chỉ huy các cấp tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác tài chính, tổ chức quán triệt thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định về quản lý tài chính; tăng cường công tác quản lý vốn, quản lý tài sản không để thất thoát; tích cực phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý tài chính; người chỉ huy phải chịu trách nhiệm cá nhân nếu không chấp hành việc báo cáo tình hình tài chính với tập thể cấp ủy theo quy định. Kiên quyết xử lý trách nhiệm cá nhân những cán bộ để đơn vị thua lỗ, chấp hành không nghiêm quy chế quản lý tài chính.
 - Huy động tối đa mọi nguồn lực tài chính tập trung ưu tiên cho sản xuất; chủ động, linh hoạt khắc phục khó khăn, vướng mắc, không để ách tắc sản xuất do thiếu vốn. Đặc biệt, quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ với các Chủ đầu tư để chủ động khai thông nguồn vốn. Tập trung đầu tư cán bộ có năng lực, có cơ chế thích hợp để đẩy mạnh công tác hồ sơ hoàn công, bù giá, điều chỉnh giá, nghiệm thu thanh toán thu hồi vốn; phát huy vai trò của Ban thu hồi công nợ; gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả nghiệm thu, thanh toán, thu hồi công nợ. Đặc biệt, quan tâm đánh giá chính xác và có giải pháp thích hợp để giảm dần nợ phải thu, giảm giá trị dở dang, tránh rủi ro, mất cân đối về tài chính.
 - Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Công ty và giữa cơ quan với đơn vị sản xuất trong công tác quản lý tài chính, Vật tư - xe máy thiết bị; Kiểm soát chặt chẽ các chi phí sản xuất... phát hiện và có giải pháp ngăn chặn kịp thời những đơn vị có dấu hiệu thua lỗ. Điều hành sản xuất hợp lý, khoa học, triệt để tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí; Thực hiện nghiêm túc quy định của Công ty về quyết toán khoán, quyết toán tài chính.
- d. *Giải pháp về quản trị doanh nghiệp*
- Tiếp tục đổi mới, sắp xếp, kiện toàn, ổn định tổ chức của Công ty theo hướng tinh giảm, phân công phân nhiệm rõ ràng, giảm đầu mối tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của cán bộ đáp ứng theo yêu cầu sản xuất kinh doanh.
 - Tập trung lãnh đạo đổi mới toàn diện cơ chế quản lý kinh tế cho phù hợp với đặc điểm, tình hình, nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao. Trọng tâm là phát huy tốt vai trò của các cơ quan, tính chủ động của các đơn vị trực thuộc; khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại. Tăng cường quản trị doanh nghiệp theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch trên cơ sở tuân thủ các quy chế, quy định đã ban hành. Các cơ quan, đơn vị cần đề cao trách nhiệm trong quản lý đúng với chức năng, nhiệm vụ; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, kiên quyết thay thế đối với những cán bộ chủ trì ở cơ quan, đơn vị tư duy chậm đổi mới, thiếu tinh thần trách nhiệm, năng

lực quản lý, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ hạn chế, để cơ quan, đơn vị yếu kém, thua lỗ.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ công tác khoán theo đơn giá nội bộ, đặc biệt thực hiện khoán đến người lao động để tạo động lực sản xuất, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả SXKD; thực hiện “Khoán đi đôi với Quản”, kịp thời giải quyết những vướng mắc và phát hiện những sơ hở trong các lĩnh vực hợp đồng kinh tế, đầu tư, quản lý tài chính, vật tư, xe máy thiết bị. Các cơ quan chức năng cần phải kiện toàn củng cố tổ chức, lực lượng, thực hiện tốt vai trò, chức năng, đổi mới mạnh mẽ cả về tư duy và phương pháp công tác, quản lý chặt chẽ, phản ánh chính xác về kết quả SXKD của các đơn vị; xây dựng và điều chỉnh cơ chế thanh toán tiền lương theo hình thức lương khoán và lương chức danh phù hợp với hao phí, năng suất lao động. Kịp thời tham mưu cho lãnh đạo Công ty xử lý có hiệu quả các vấn đề phát sinh, không để bị động, bất ngờ.

e. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Tận dụng tối đa nguồn nhân lực sẵn có tại Công ty, thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, cử nhân sự tham gia khóa đào tạo huấn luyện về kỹ thuật, tài chính, quản lý nhân sự ... nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV để đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ.
- Tìm kiếm và phát triển nguồn nhân lực có trình độ năng lực cao trong thời gian tới nhằm đáp ứng nhu cầu trong thi công xây dựng công trình trọng điểm, phức tạp.

f. Giải pháp về công tác quản lý xây dựng công trình

- Củng cố công tác quản lý tổ chức thi công theo đúng quy trình, quy định, bảo đảm bài bản, chuyên nghiệp.
- Tăng cường bảo đảm nhân lực, cán bộ kỹ thuật hiện trường đặc biệt là đội ngũ chỉ huy trưởng công trường, tránh tình trạng quá tải, thiếu kiểm soát ở những đơn vị có sản lượng lớn dẫn tới không đảm bảo tiến độ, chất lượng.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng, tiến độ thi công các công trình, bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng.
- Thực hiện nghiêm các quy trình về cấp ứng vốn, quản lý tiến độ, chất lượng.

g. Giải pháp về trang thiết bị

Tùy theo tình hình và nhu cầu sản xuất, từng bước đầu tư đổi mới mua sắm trang thiết bị phục vụ thi công thay cho các thiết bị cũ, hiệu suất thấp.

h. Giải pháp về quản trị rủi ro

- Xây dựng chính sách chung về quản trị rủi ro, tạo ra sự nhận thức đầy đủ cũng như trách nhiệm của lãnh đạo Công ty và các bộ phận chuyên môn về rủi ro.
- Xây dựng, ban hành, cập nhật sửa đổi bổ sung các quy chế quy định quản lý nội bộ, đảm bảo các hoạt động quản trị, điều hành cũng như tham mưu thừa hành nhiệm vụ phải công khai, minh bạch. Có sự phân công phân nhiệm rõ ràng trong lãnh đạo và các phòng ban trong hoạt động ngăn ngừa, kiểm soát rủi ro.
- Đổi mới và nghiêm túc thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ cũng như kiểm tra, kiểm soát đối với các đơn vị phụ thuộc theo quy định.
- Nâng cao trình độ chuyên môn và vị thế của bộ phận quản lý an toàn tại các dự án, công trường.

VIII. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN

Công ty TNHH Một thành viên 145 xây dựng Dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Trường Sơn 145 gồm 7 chương và 69 điều theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn khác hiện hành.



PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên 145 được phê duyệt và có quyết định của Bộ Quốc Phòng chuyển Công ty thành công ty cổ phần. Công ty sẽ triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

1. Tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa

1.1 Bán cổ phần:

- Tổ chức bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài qua tổ chức tài chính trung gian và báo cáo kết quả đấu giá;
- Tổ chức bán cổ phần cho CBCNV.
- Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban Chi đạo và đề xuất phương án xử lý cổ phần không bán hết (nếu có)

1.2. Báo cáo Tổng công ty, Bộ Quốc Phòng phương án nhân sự của Công ty cổ phần

2. Hoàn tất việc chuyển Công ty thành công ty cổ phần

2.1. Tổ chức đại hội đồng cổ đông thành lập và đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần

- Chuẩn bị tài liệu và công tác tổ chức Đại hội cổ đông;
- Tổ chức đại hội cổ đông thành lập;
- Đăng ký doanh nghiệp.

2.2. Tổ chức quyết toán và bàn giao giữa Công ty và công ty cổ phần:

- Lập báo cáo tài chính, quyết toán thuế, kiểm toán báo cáo tài chính thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, quyết toán chi phí cổ phần hóa.
- Tổ chức bàn giao giữa doanh nghiệp và công ty cổ phần.

3. Lộ trình cụ thể

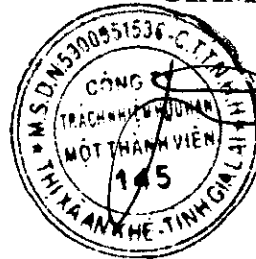
TT	Công việc	Thời gian dự kiến (ngày làm việc)
1	Bộ Quốc phòng phê duyệt Phương án cổ phần hóa	Ngày T
2	Tổ chức bán cổ phần	T đến T+60
3	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần	T+ 60 đến T + 80
4	Thực hiện đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần	T + 80 đến T + 90
5	Quyết toán tài chính. bàn giao vốn nhà nước sang công ty cổ phần	Trong vòng 60 ngày kể từ ngày chính thức có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

II. KIẾN NGHỊ

Công ty kính đề nghị Ban chỉ đạo cổ phần hóa, Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên 145 để doanh nghiệp tiếp tục triển khai các bước tiếp theo trong lộ trình cổ phần hóa đã được phê duyệt, từ đó tạo tiền đề cho Công ty sớm đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần./.

Gia Lai, ngày 04 tháng 11 năm 2016

GIÁM ĐỐC



Thượng tá Phan Tiên Dũng